



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRƯỜNG NGOẠI NGỮ - DU LỊCH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN
TỔ CHỨC DẠY HỌC

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

MÃ NGÀNH: 8220204

Hà Nội - 2025

Số: 81 /QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 05/4/2023 của Hội đồng trường
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào
tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày
13/01/2025 và ngày 14/01/2025 về việc Thông qua các chương trình đào tạo trình
độ thạc sĩ;*

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm: Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần, Hướng dẫn tổ chức dạy - học và Bản mô tả chương trình đào tạo (Danh sách và nội dung bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các bộ chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các phòng: Tổ chức Nhân sự, Hành chính tổng hợp, Tài chính – Kế toán; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Xuân Thực



DANH SÁCH

**Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Đơn vị quản lý chuyên môn	Ghi chú
1.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Trường Cơ khí – Ô tô	
2.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	Trường Cơ khí – Ô tô	
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	Trường Cơ khí – Ô tô	
4.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hóa	
5.	Kỹ thuật điện tử	8520203	Trường Điện – Điện tử	
6.	Kỹ thuật điện	8520201	Trường Điện – Điện tử	
7.	Kế toán	8340301	Trường Kinh tế	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Trường Kinh tế	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông	
10.	Ngôn ngữ Anh	8220201	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	
11.	Công nghệ dệt, may	8540204	Khoa CN May và TKTT	
12.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	

Tổng số: 12 bộ chương trình đào tạo./:✓

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	General Chinese Linguistics
Mã học phần	FL7331
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	
Ngày ban hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức đại cương về ngôn ngữ học. Vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	SO1
G2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về dịch thuật, kiến thức về thiết kế và phát triển các khóa học giảng dạy tiếng Trung Quốc vào công tác chuyên môn và nghiên cứu.	SO2

	Khái niệm ngôn ngữ 二、语言和言语 Ngôn ngữ và lời nói 三、语言学概念 Khái niệm ngôn ngữ học 四、共时与历时 Lịch đại và đồng đại 五、语言研究的倾向 Xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ								
	第二节 语言的社会属性与功能 Chức năng và tính xã hội của ngôn ngữ 一、语言是个特别社会现象 Ngôn ngữ là một hiện tượng của Xã hội								
2	二、语言的交际功能 Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ 三、语言的思维功能 Chức năng tư duy của ngôn ngữ 四、汉语与中国社会 Tiếng Hán và xã hội Trung Quốc	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第四节 语言的分类 Bài 4: Phân loại ngôn ngữ 一、语言的语系 Ngữ hệ 二、语言的类型 三、汉语的语系与类型特点	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四节语言的系统 一、语言的信号系统 二、语言信号的任意性	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	三、文字的创制与 改革 四、汉字								L2;
12	复习	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	50
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 苗兴伟(2021). 《语言学基础教程》. 北京大学出版社

- Tài liệu tham khảo:

1. Ping Ke (2019). Contrastive Linguistics. Peking University Press.

2. Nguyễn Thiện Giáp (2021). Dẫn luận ngôn ngữ học. Nxb. Giáo dục Việt Nam.

3. 王淑雯(2021). 社会语言学概论. 四川大学出版社

Trưởng Khoa/
Hiệu trưởng


Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/ Khoa


Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo


Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh 

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung - Việt
Tên học phần (Tiếng Anh)	Contrastive Linguistics and Chinese – Vietnamse Contrasting
Mã học phần	FL7333
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7032; FL7034
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trình bày kiến thức về lý luận, phương pháp nghiên cứu, quá trình phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu và các kiến thức tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ, đối chiếu song ngữ Trung – Việt.	SO1
G2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng lý giải về sự tương đồng và khác biệt của các hiện tượng ngôn	SO2

	ngữ và song ngữ Trung – Việt trong thực tiễn.	
--	---	--

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Trình bày kiến thức về lý luận, phương pháp nghiên cứu, quá trình phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu và các kiến thức tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ, đối chiếu song ngữ Trung – Việt.	PI 1.2	TU
L2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng lý giải về sự tương đồng và khác biệt của các hiện tượng ngôn ngữ và song ngữ Trung – Việt trong thực tiễn.	PI 2.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức vấn đề về lý luận, phương pháp nghiên cứu, sự phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu và các kiến thức tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ, đối chiếu song ngữ Trung – Việt một cách hệ thống. Thông qua các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể, những phương pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ cơ bản và những nội dung chủ yếu trong đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, sẽ gợi mở hướng phân tích đối chiếu Trung-Việt tiếp theo. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng lý giải về sự tương đồng và khác biệt của các hiện tượng ngôn ngữ và song ngữ Trung – Việt trong thực tiễn.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu học phần và phương pháp học tập 第一课：语言对	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	比总论 Tiết 1: Tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ								
2	第二课: 汉越对比 综述 Tiết 2: Tổng quan đối chiếu giữa tiếng Trung Quốc và Việt Nam:	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 汉越语音 对比 Tiết 3: Đối chiếu ngữ âm tiếng Trung và tiếng Việt	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 汉越语法 对比 (上). Tiết 4: Đối chiếu ngữ pháp giữa tiếng Trung và tiếng Việt (Phần 1).	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 汉越语法 对比 (下) Tiết 5: Đối chiếu ngữ pháp giữa tiếng Trung và tiếng Việt (Phần 2).	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 汉越语义 对比 (上) Tiết 6: Đối chiếu ngữ nghĩa giữa tiếng Trung và tiếng Việt (Phần 1).	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 汉越语义 对比 (下) Tiết 7: Đối chiếu ngữ nghĩa giữa tiếng Trung và tiếng Việt (Phần 2).	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 汉越语用 对比 Tiết 8: Đối chiếu sử dụng ngôn ngữ giữa tiếng Trung và tiếng Việt .	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Vấn đáp	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	40
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. Ngô Thị Huệ, Đối chiếu ngôn ngữ Hán – Việt——Lí luận và thực tiễn. 汉越语言对比—理论与实践. Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2020

- Tài liệu tham khảo:

1. (美) 埃里克.阿约; 陈鑫 (译), 人文学科学术写作指南, 2021
2. 李丹丹, 应用语言学-研究方法 with 论文写作, 北京大学出版社, 2021.
3. 叶文曦, 语义学教程, 北京大学出版社, 2021

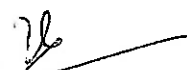
Trưởng khoa/Hiệu trưởng

Trưởng Bộ môn/Khoa

Nhóm soạn thảo


Hoàng Ngọc Huệ


Cẩm Tú Tài


Cẩm Tú Tài
Nguyễn Thị Lê 

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành (tiếng Trung Quốc)
Tên học phần (Tiếng Anh)	Interdisciplinary Linguistics Studies (Chinese)
Mã học phần	FL7334
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7033; FL7035
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Đinh Bích Thảo**

Chức danh: Giảng viên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0981500246

Email: dingbichthao@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức tổng quan và chuyên sâu về ngôn ngữ học liên ngành được tiếp cận từ đa ngành, tức là sự tiếp cận ngôn ngữ học có sự kết hợp với các ngành khoa học khác; coi các nhân tố ngoài ngôn ngữ như một lực lượng tác động vào ngôn ngữ, từ đó người học nắm rõ những nội dung khoa học liên quan	SO1
G2	Học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết tiến hành nghiên cứu, giảng	SO1

	dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.	
--	--	--

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	PI 1.2	TU
L2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	PI 4.2	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần “Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành (tiếng Trung Quốc)” cung cấp cho học viên cao học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về một hướng nghiên cứu mới của ngôn ngữ học: cùng với việc nghiên cứu chuyên ngành, ngôn ngữ học được tiếp cận từ đa ngành, tức là sự tiếp cận ngôn ngữ học có sự kết hợp với các ngành khoa học khác; coi các nhân tố ngoài ngôn ngữ như một lực lượng tác động vào ngôn ngữ, nhờ đó, làm sáng tỏ những nội dung khoa học cũng như sự vận động của ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên có được các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu liên ngành đối với ngôn ngữ học nói chung và của tiếng Trung Quốc nói riêng để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu về tín chỉ và phương pháp học tập 第一课 跨学科研究概括	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	Bài 1: Tổng quan nghiên cứu liên ngành 一、跨学科研究概念 Khái niệm về nghiên cứu liên ngành 二、跨学科研究历史 Lịch sử về nghiên cứu liên ngành 三、跨学科研究现状 Hiện trạng về nghiên cứu liên ngành 四、跨学科研究理论 Lý luận về nghiên cứu liên ngành 五、跨科学研究方法 Phương pháp nghiên cứu liên ngành								
2	第二课 语言学跨学科研究倾向概述 Bài 2: Tổng quan các xu hướng nghiên cứu liên ngành trong ngôn ngữ học 一、传统语言学与现代语言学 Ngôn ngữ học truyền thống và ngôn ngữ học hiện đại 二、语言学跨学科研究的意义 Ý nghĩa về nghiên cứu liên ngành trong ngôn ngữ học 三、当代语言学跨学科的发展趋势 Xu hướng phát triển của nghiên cứu liên ngành trong ngôn ngữ học đương đại 四、语言学与其他科学相关的跨学科研究 Nghiên cứu liên ngành trong	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	ngôn ngữ học và các lĩnh vực khoa học khác liên quan								
3	第三课 语言与性别 Bài 3: Ngôn ngữ và giới tính 一、语言与性别之关系 Mỗi quan hệ giữ ngôn ngữ và giới tính 二、认出性别的语言 Ngôn ngữ nhận biết giới tính 三、性别的语言风格 Phong cách ngôn ngữ giới tính 四、性别平等与语言相关的关系 Bình đẳng giới và các mối quan hệ liên quan đến ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课 语言与年岁 Bài 4: Ngôn ngữ và tuổi tác 一、语言与政治之关系 Mối quan hệ giữ ngôn ngữ và chính trị 二、政治语言研究特点 Đặc điểm của nghiên cứu ngôn ngữ chính trị 三、政治寓言研究方法 Phương pháp nghiên cứu ngụ ngôn chính trị	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课 语言与宗教 Bài 5: Ngôn ngữ và tôn giáo 一、语言与宗教之关系 Quan hệ giữa ngôn ngữ và tôn giáo 二、佛教与语言 Phật giáo và ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	三、天主教与语言 Thiên chúa giáo và ngôn ngữ 三、汉语与宗教 Tiếng Hán và tôn giáo								
6	第六课 语言与文化 Bài 6: Ngôn ngữ và văn hóa 一、语言与文化之关系 Quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa 二、词语与文化 Ngôn ngữ và văn hóa 三、语言交际与文化 Ngôn ngữ giao tiếp và văn hóa 四、文化的接触和语言接触 Giao thoa văn hóa và giao thoa ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课 语言与法律 Bài 一、法律和语言之关系 四、法律语言研究 法律语言的特点	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课 语言与社团 一、语言与社团之关系 二、俚语和汉语俚语 三、网络语言和汉语网络语言 四、洋泾浜语	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	40
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 李庆本, 中外文化比较与跨文化交际, 河内国家大学出版社, 2019
2. Nguyễn Văn Khang 2012, Ngôn ngữ học xã hội. Nxb Giáo dục, 2012

- Tài liệu tham khảo:

1. 王朝晖, 跨文化交际案例教程 = Hướng dẫn tình huống giao tiếp đa văn hóa. 山东大学出版社, 2021.
2. 王克喜, 中国文化视域中的语言与逻辑 = Ngôn ngữ và Logic trong Quan điểm của Văn hóa Trung Quốc. 中央编译出版社, 2020
3. 刘毓容, 语言变异的概念整合研究 = Nghiên cứu tích hợp khái niệm về sự biến đổi ngôn ngữ. 四川大学 ngữ, 2019.

Hiệu trưởng


Hoàng Ngọc Tuệ

Trưởng khoa


Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo


Cẩm Tú Tài
Nguyễn Thị Lê 

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Apply Linguistics (Chinese)
Mã học phần	FL7335
Số tín chỉ: TS(LT;ThH/TN;TL/BTL/ĐAMH/TT)	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7033;FF7037
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718 Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Hiểu được kiến thức tổng quan về lý luận, phương pháp nghiên cứu và sự phát triển của Ngôn ngữ.	SO1
G2	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học ứng dụng để phân tích, vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	SO4

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức lý thuyết cơ bản trong ngôn ngữ học ứng dụng bao gồm tính chất, phạm vi và ý nghĩa của ngôn ngữ học ứng dụng, các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, các lĩnh vực ứng dụng của ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc, ngôn ngữ truyền thông tin tức, ngôn ngữ mạng, ngôn ngữ tin tức, ngôn ngữ trong giảng dạy, trong giao tiếp để nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ.	PI 1.3	TU
L2	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn.	PI 4.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức lý thuyết cơ bản trong ngôn ngữ học ứng dụng bao gồm tính chất, phạm vi và ý nghĩa của ngôn ngữ học ứng dụng, các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, các lĩnh vực ứng dụng của ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc, ngôn ngữ truyền thông tin tức, ngôn ngữ mạng, ngôn ngữ tin tức, ngôn ngữ trong giảng dạy, trong giao tiếp. Sau khi kết thúc học phần, học viên hình thành, phát triển năng lực tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng. Đồng thời, học phần giúp người học vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học ứng dụng vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng trong thực tế sử dụng trong thực tế.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài ¹)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu ra của
			Lý thuyết (giờ)	ThH/ TN	Thảo luận	Thực	Tổng số	

¹ Mỗi học phần thiết kế từ 10-15 bài, mỗi bài lý thuyết/thực hành/ thí nghiệm phải có số giờ thống nhất trong cả học phần (trong đó có cả thời gian của các bài kiểm tra đánh giá). Ví dụ: LT:3 giờ/bài, TH/TN: 6 giờ/bài.

		nhân của HV (giờ)	Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)	(giờ)	(giờ)	tập/Đề án (giờ)	(giờ)	HP
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu học phần và phương pháp học tập 第一章: 绪论 Chương 1: Giới thiệu	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	第二章 应用语言 学的性质和范围 Chương 2: Tính chất, phạm vi và ý nghĩa của Ngôn ngữ học ứng dụng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三章: 应用语 言学的研究方法 Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四章: 中国的 应用语言学 中国的语言教学 计算语言学 Chương 4: Các lĩnh vực ứng dụng của Ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五章: 中国的 应用语言学 新词新语 播音主持语言 Chương 5: Các lĩnh vực ứng dụng của Ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc Từ mới Ngôn ngữ MC	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六章: 中国的	9	4	0	0	0	0	4	L1;

	应用语言学 广告语言学 网络语言学 Chương 6: Các lĩnh vực ứng dụng của Ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc Ngôn ngữ quảng cáo Ngôn ngữ mạng								L2
7	第七章：中国的应用语言学 语言交际 Chương 7: : Các lĩnh vực ứng dụng của Ngôn ngữ học ứng dụng ở Trung Quốc Ngôn ngữ giao tiếp	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八章：复习 Chương 8: Ôn tập	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

5.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Vấn đáp	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

6. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường

xuyên 1, thường xuyên 2 và bài tiểu luận kết thúc học phần.

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 李丹丹, 应用语言学-研究方法 with 论文写作, 北京大学出版社, 2021.

- Tài liệu tham khảo

[1] 周红主编, 汉语研究方法导引, 上海教育出版社, 2018.

[2] 苗兴伟, 语言学基础教程 (第二版), 北京大学出版社, 2021.

[3] 王淑雯, 社会语言学概论, 四川大学出版社, 2021

Hiệu trưởng

Hoàng Ngọc Huệ

Khoa/Trường trực thuộc

Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo

Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Cognitive Linguistics (Chinese)
Mã học phần	FL7336
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7032; FL7033
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Trà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 090484681

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: NguyenThuTra@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức ngôn ngữ học tri nhận như khái quát ngôn ngữ học tri nhận, một số khái niệm cơ bản, các quan điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ hoán dụ tri nhận, tính giống nhau, tri nhận phạm trù không gian, ứng dụng ngôn ngữ tri nhận. Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	SO1
G2	Người học có thể vận dụng những kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào	SO2

	việc tìm hiểu và giải thích những hiện tượng có liên quan phương thức tri nhận của tiếng Hán, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.	
--	--	--

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tri nhận như khái quát ngôn ngữ học tri nhận, một số khái niệm cơ bản, các quan điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ hoán dụ tri nhận, tính giống nhau, tri nhận phạm trù không gian, ứng dụng ngôn ngữ tri nhận để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	PI 1.2	TU
L2	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào việc nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu, và bài báo khoa học trong những hiện tượng có liên quan phương thức tri nhận của tiếng Hán, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.	PI 2.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc cung cấp cho học viên cao học ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về ngôn ngữ học tri nhận: như khái quát ngôn ngữ học tri nhận, một số khái niệm cơ bản, các quan điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ hoán dụ tri nhận, tính giống nhau, tri nhận phạm trù không gian, ứng dụng ngôn ngữ tri nhận. Từ đó, học viên có thể vận dụng những kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào việc tìm hiểu và giải thích những hiện tượng có liên quan phương thức tri nhận của tiếng Hán, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	学分介绍及学习方法 第一课：认知语言学概括 Giới thiệu học	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	phần Bài 1 : Khái quát ngôn ngữ tri nhận								
2	第二课: 认知语言学的一些 基本概念 Bài 2: Những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ tri nhận	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 认知语言 学的基本观点 Những quan điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 语言中的 范畴、原型和变体 Phạm trù, nguyên hình và biến thể trong ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 认知语言 学的隐喻 Bài 5: Ngôn ngữ tri nhận (ẩn dụ)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 认知语言 学的转喻 Bài 6: Ngôn ngữ tri nhận (hoán dụ)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 象似性 Bài 7: Tính giống nhau	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 空间范畴 认知 Bài 8: Tri nhận phạm trù không gian	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	50
2	Thường xuyên 2	20	L1	Thuyết trình	10	50
3	Kết thúc học phần	60	L2	Tiểu luận	10	100

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1,2 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet..

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 王寅, 认知语言学教程, 北京大学出版社出版, 2021

- Tài liệu tham khảo:

[1] 王寅, 认知语法概论, 国防工业出版社, 2021

[2] [美] 伦纳德·泰尔米 (Leonard Talmy), 认知语义学 (卷 I), 北京大学出版社, 2020

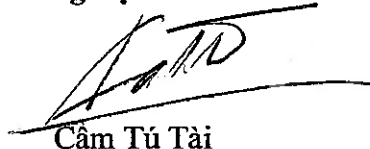
[3] 原作名: Louder Than Words 译者: 宋睿华, 王尔山, 我们赖以生存的意义, 天津科学技术出版社, 2021

Trưởng khoa/Hiệu trưởng



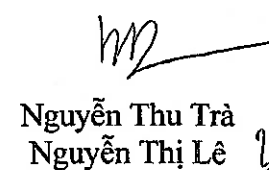
Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Nguyễn Thu Trà
Nguyễn Thị Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Văn bản học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Texts Analysis
Mã học phần	FL7338
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7039; FL7049
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Trà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 090484681

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: NguyenThuTra@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Vận dụng kiến thức về lý luận về văn bản học để giải quyết các vấn đề liên quan đến phân tích, đối chiếu văn bản	SO1
G2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để xác định vấn đề cần nghiên cứu,	SO4

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về văn bản học, phân tích câu, phương thức liên kết văn bản để nghiên cứu, phân tích các văn bản,	PI 1.4	TU
L2	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; phân tích hiện tượng ngôn ngữ, ứng dụng vào học tập và giảng dạy, xác định ngữ cảnh để sử dụng ngôn ngữ phù hợp.	PI 3.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần sẽ cung cấp chuyên sâu các kiến thức ngôn ngữ học về văn bản như đặc điểm của văn bản, tính liên kết cũng như các phương thức liên kết văn bản, phân tích văn bản. Qua đó, học viên có thể vận dụng kiến thức vào tiếp thu, xây dựng văn bản, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Hán, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) (*)					
1	学分介绍及学习方法 第一主题 文本语言学概括 Khái quát về văn bản học 一、文本概念 二、文本单位 三、文本链接	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	第二主题 语篇分析的基本理论	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	Lý luận cơ bản về phân tích văn bản 一、节语篇分析的兴起与发展 二、语篇结构和语篇名载体 三、语偏执分类 四、分析方法								
3	第三主题句子分析：句际关系、互相依赖情况、逻辑-语义关系 Phân tích câu 一、句子和句式关系分 4 二、逻辑依赖情况 三、逻辑-语义关系 四、三点说明	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四主题词组、介词 短语、衔接 Sự liên kết giữa tổ tự, giới từ, đoản ngữ 一、词组 二、介词短语 三、衔接 小考（一）	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五主题语篇分析：纯理功能 Phân tích đoạn 一、语气、情态等分析 二、经验功能 三、主谓结构、信息结构等语篇功能	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六主题文化语境、情景语境、交际脚色 Ngữ cảnh văn hóa, ngữ cảnh đối thoại 一、文化语境 二、情景语境 三、语篇体裁和语域变体分析 四、交际脚色	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

7	第七主题语音文体功能 Chức năng ngữ âm văn bản 一、语音语调的表达效果 二、拟声 三、双关 四、散文的节奏	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八主题词汇的文体色彩 Sắc thái từ vựng văn bản 一、口语词语与书卷词语 二、古词语和新词语 三、专业术语、行语和隐喻 小考（二）	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
Tổng cộng:		70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Tự luận	10	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Viết báo cáo	10	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	10	60
			L2			60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần.

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 朱岚晖, 普通语言学讲义, 吉林大学出版社, 2018

[2] 王朝晖, 跨文化交际案例教程, 山东大学出版社, 2021。

- Sách, tài liệu tham khảo:

[1] Hữu Đạt, Phong cách học tiếng Việt hiện đại, Nhà xuất bản giáo dục việt Nam, 2016

[2] 王淑雯, 社会语言学概论, Giới thiệu về Ngôn ngữ xã hội học, 四川大学出版社, 2021.

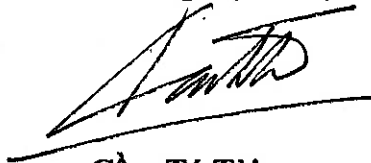
[3] Nguyễn Thị Minh, Nghiên cứu đối chiếu hướng chỉ nghĩa của phó từ trạng ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội, 2020.

Hiệu trưởng



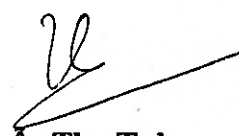
Hoàng Ngọc Tuệ

Khoa/Trường trực thuộc

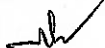


Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Nguyễn Thu Trà

Ứng Thùy Linh 

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngữ âm học (Tiếng Trung Quốc)
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Phonetics
Mã học phần	FL7339
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7041; FL7043
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Trà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 090484681

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: NguyenThuTra@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức ngữ âm học. Vận dụng kiến thức ngữ âm học Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	SO1
G2	Học viên vận dụng kiến thức về ngữ âm học vào thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc	SO3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức ngữ âm học tiếng Trung Quốc về sự hình thành của ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết và cấu tạo âm tiết, thanh điệu, biến âm, vần luật, ngữ âm học và âm vị học, phân tích và thảo luận hệ thống âm vị tiếng Trung quốc phổ thông và quan hệ các phương án phiên âm tiếng Trung quốc và âm vị tiếng Trung quốc phổ thông vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	PI 1. 3	TU
L2	Vận dụng kiến thức về ngữ âm học vào thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc	PI 3.2.	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp kiến thức ngữ âm học tiếng Trung Quốc về sự hình thành của ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết và cấu tạo âm tiết, thanh điệu, biến âm, vần luật, ngữ âm học và âm vị học, phân tích và thảo luận hệ thống âm vị tiếng Trung quốc phổ thông và quan hệ phương án phiên âm tiếng Trung quốc và âm vị tiếng Trung quốc phổ thông, rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin và tạo tiền đề cho học viên vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, nghiên cứu. Qua đó nâng cao kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc cho học viên, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ âm tiếng Trung hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu ngữ âm tiếng Trung mới. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Ví dụ HP XYZ 2(2,0,0,0)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法 第一课: 语	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	音的形成 Bài 1 : Giới thiệu về tín chỉ và phương pháp học tập : Hình thành ngữ âm								
2	第二课 元音 Bài 2 : nguyên âm	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 辅音 Bài 3 : Phụ âm	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 音节和音节结构 Bài 4 : âm tiết và cấu tạo âm tiết	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 声调 Bài 5 : Thanh điệu	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 语流音变 Bài 6 : Biến âm	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 韵律 Bài 7: Vận luật	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 语音学和音系学 Bài 8: Ngữ âm học và âm vị học	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课: 语音学和音系学 Bài 9: Ngữ âm học và	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	âm vị học (tiếp)								
10	第十课: 普通话音位系统的分析和讨论 & 《汉语拼音方案》与普通话音位的关系 Bài 10: Thảo luận hệ thống âm vị tiếng Trung quốc phổ thông và quan hệ các phương án phiên âm tiếng Trung quốc và âm vị tiếng Trung quốc phổ thông	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
11	第十一课: 小论文写作指导 Bài 11: Hướng dẫn viết luận	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
12	第十二课: 小论文写作指导 Bài 12: Hướng dẫn viết luận (tiếp)	0	1	0	0	0	0	4	L1; L2
	Tổng cộng:	108	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	30	L1	Tự luận	4	40
			L2		6	60
2	Kết thúc học phần	70	L1	Tiểu luận	6	60
			L2		4	40

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1]. 林焘、王理嘉,《语音学教程》(增订版),北京大学出版社,2021

- Tài liệu tham khảo:

[1] 宋欣桥, 普通话语音训练教程-发音练习手册, 商务印书馆, 2020

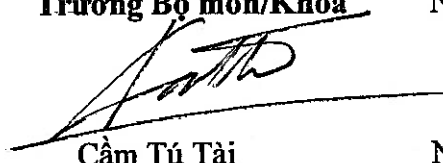
[2]. 丁崇明, 荣晶,《现代汉语语音教程》, 2019

[3]. 李丹丹, 应用语言学- 研究方法 with 论文写作, 北京大学出版社, 2021

Trưởng khoa/Hiệu trưởng

Trưởng Bộ môn/Khoa

Nhóm soạn thảo

Cẩm Tú Tài



Nguyễn Thu Trà
Ứng Thùy Linh

Hoàng Ngọc Huệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Grammar
Mã học phần	FL7340
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7041; FL7043
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đinh Bích Thảo

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 0981500246

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: dingbichthao@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Học phần giúp học viên tóm tắt được kiến thức tổng quan về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc hiện đại và có thể phổ biến, truyền đạt lại kiến thức cho người khác.	SO1
G2	Học phần giúp học viên vận dụng các phương pháp phân tích ngữ pháp cơ bản để lý giải các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Trung Quốc hiện đại gắn với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và các lĩnh vực khác.	

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Trình bày kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp tiếng Trung hiện đại gắn với việc sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	PI 1.3	T, U
L2	Trình bày phương pháp phân tích ngữ pháp tiếng Trung hiện đại, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung.		T, U
L3	Vận dụng kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp, phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp để phân tích, lý giải chuyên sâu về một hiện tượng ngữ pháp trong thực tế.		T, U

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp tiếng Trung Quốc hiện đại, những phương pháp phân tích ngữ pháp cơ bản, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp để giúp học viên có thể lý giải được các hiện tượng ngữ pháp một cách khoa học trong thực tiễn. Học phần cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kiến thức chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu tương quan mới. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Trình bày kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp tiếng Trung hiện đại gắn với việc sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	PI 1.3	TU
L2	Trình bày phương pháp phân tích ngữ pháp tiếng Trung hiện đại, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung.		TU

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L3	Vận dụng kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp, phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp để phân tích, lý giải chuyên sâu về một hiện tượng ngữ pháp trong thực tế.		TU

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法 第一课： 现代汉语语法概述 Bài 1: Giới thiệu học phần và phương pháp học tập; Khái quát về ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại	9	4	0				4	L1; L2
2	第二课：汉语实词 Bài 2: Thực từ trong tiếng Trung	9	4	0				4	L1; L3
3	第三课：汉语虚词 Bài 3 : Hư từ trong tiếng Trung	9	4	0				4	L1; L3
4	第四课：汉语句法（上）句子成分 Bài 4: Cú pháp	9	4	0				4	L1; L3

	tiếng Trung (phần thượng) – Thành phần câu								
5	第五课: 汉语句法 (中) 单句 Bài 4: Cú pháp tiếng Trung (phần trung) – Câu đơn	9	4	0				4	L1; L3
6	第六课: 汉语句法 (下) 复句和篇章 Bài 6: Cú pháp tiếng Trung (phần hạ) – Câu phức và văn bản	9	4	0				4	L1; L3
7	第七课: 汉语语法分析法 层次分析法 变换分析法 Bài 7: Phương pháp phân tích ngữ pháp tầng bậc, phương pháp phân tích ngữ pháp biến đổi	10	4	0				4	L2; L3
8	第八课: 汉语语法分析法 (续1) 语义特征分析法 配价分析法 Bài 8: Phương pháp phân tích ngữ pháp theo đặc trưng ngữ nghĩa, phương pháp phân tích ngữ pháp theo khả năng phối kết hợp.	10	4	0				4	L2; L3
9	第九课: 汉语语 法分析法 (续 2) 语义指向分析法 语义范畴分析法 Bài 9: Phương pháp phân tích ngữ pháp	10	4	0				4	L2; L3

	chỉ hướng ngữ nghĩa, phương pháp phân tích ngữ pháp theo phạm trù ngữ nghĩa								
10	第十课: 汉语语法研究流派 Bài 10: Các trường phái nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại.	10	4	0				4	L2; L3
11	第十一课: 汉语语法研究的应用 Bài 11: Ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại	10	4	0				4	L2; L3
12	第十二课: 复习与小论文写作指导 Bài 12: Ôn tập và hướng dẫn viết tiểu luận	3	1	0				1	L3
Tổng cộng:		105	45					45	

5.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	100
3	Cuối kỳ	60	L3	Tiểu luận	10	100

Yêu cầu cụ thể:

1. Thường xuyên 1

1.1. Mục đích

Bài thuyết trình nhằm mục đích đánh giá khả năng trình bày của học viên về kiến thức từ loại, cấu trúc cú pháp tiếng Trung hiện đại.

1.2. Yêu cầu

Bài thuyết trình được thực hiện trên lớp từ tuần học thứ hai đến tuần học thứ sáu. Học viên thực hiện thuyết trình kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp tiếng Trung hiện đại trong khoảng thời gian 15 phút theo thứ tự và nội dung đã bốc thăm. Học viên cần gửi lại bài thuyết trình cho giảng viên trước buổi thuyết trình 2 ngày. Bài thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10 với các tiêu chí đánh giá cụ thể.

1.3. Tiêu chí đánh giá /hướng dẫn chấm điểm

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuẩn bị	Bản thảo thuyết trình nộp đúng hạn, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm).	0.25 điểm
		Bản thảo thuyết trình không nộp đúng hạn (0 điểm).	
2	Nội dung	- Nội dung thuyết trình phù hợp với chủ đề đã được bốc thăm thì được điểm tuyệt đối (2 điểm). - Nội dung thuyết trình có mức độ phù hợp với chủ đề đã được bốc thăm: khoảng 75% (1.5 điểm), khoảng 50% (1 điểm), khoảng 25% (0.5 điểm), nhỏ hơn 25% (0 điểm).	7 điểm
		- Nội dung trình bày có bố cục rất rõ ràng, được điểm tuyệt đối (1 điểm), bố cục rõ ràng (0.5 điểm), bố cục không rõ ràng (0 điểm)	
		- Nội dung trình bày bảo đảm 100% tính chính xác về kiến thức khoa học, được điểm tuyệt đối (2.5 điểm)	
		- Nội dung trình bày bảo đảm tính chính xác về kiến thức khoa học: khoảng 80% (2 điểm), khoảng 60 % (1.5 điểm), khoảng 40% (1 điểm), khoảng 20% (0.5 điểm), dưới 20% (0 điểm).	
		- Nội dung trình bày súc tích, tóm lược được kiến thức trọng tâm của chủ đề nghiên cứu (0.5 điểm), không súc tích, không tóm lược được kiến thức trọng tâm (0 điểm).	
		- Nội dung trình bày có cập nhật kiến thức mới liên quan đến chủ đề (0.5 điểm), không cập nhật kiến thức mới liên quan đến chủ đề (0 điểm).	
3	Thuyết trình	- Nội dung trình bày có liên hệ với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế (0.5 điểm), không liên hệ với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế (0 điểm)	1.75 điểm
		- Trình bày tự tin (0.5 điểm), không tự tin (0 điểm)	
		- Phát âm chuẩn xác, rõ ràng, lưu loát (1 điểm), phát âm chuẩn xác, rõ ràng nhưng không lưu loát (0.5 điểm)	
		- Thời gian thuyết trình trong khoảng 13-15 phút (0.25 điểm), thời gian thuyết trình nhỏ hơn 13 phút hoặc lớn hơn 15 phút (0 điểm).	

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
4	Tương tác	- Trả lời rất tốt tất cả các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (1 điểm). - Trả lời tốt tất cả các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (0.5 điểm). - Trả lời chưa tốt (áp ứng, diễn đạt không lưu loát) hoặc không trả lời được các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (0 điểm).	1
Tổng			10

2. Thường xuyên 2

2.1. Mục đích

Bài thuyết trình nhằm mục đích đánh giá khả năng trình bày của học viên về các phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung.

2.2. Yêu cầu

Bài thuyết trình được thực hiện trên lớp từ tuần học thứ bảy đến tuần học thứ mười một. Học viên thực hiện thuyết trình kiến thức về các phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung trong khoảng thời gian 15 phút theo thứ tự và nội dung bốc thăm. Học viên cần gửi lại bài thuyết trình cho giảng viên trước buổi thuyết trình 2 ngày. Bài thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10 với các tiêu chí đánh giá cụ thể.

2. 3 Tiêu chí đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuẩn bị	Bản thảo thuyết trình nộp đúng hạn, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm). Bản thảo thuyết trình không nộp đúng hạn (0 điểm).	0.25 điểm
2	Nội dung	- Nội dung thuyết trình phù hợp với chủ đề đã được bốc thăm thì được điểm-tuyệt đối (2 điểm). - Nội dung thuyết trình có mức độ phù hợp với chủ đề đã được bốc thăm: khoảng 75% (1.5 điểm), khoảng 50% (1 điểm), khoảng 25% (0.5 điểm), nhỏ hơn 25% (0 điểm). - Nội dung trình bày có bố cục rất rõ ràng, được điểm tuyệt đối (1 điểm), bố cục rõ ràng (0.5 điểm), bố cục không rõ ràng (0 điểm) - Nội dung trình bày bảo đảm 100% tính chính xác về kiến thức khoa học, được điểm tuyệt đối (2.5 điểm) - Nội dung trình bày bảo đảm tính chính xác về kiến thức khoa học: khoảng 80% (2 điểm), khoảng 60 % (1.5	7 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
		điểm), khoảng 40% (1 điểm), khoảng 20% (0.5 điểm), dưới 20% (0 điểm).	
		- Nội dung trình bày súc tích, tóm lược được kiến thức trọng tâm của chủ đề nghiên cứu (0.5 điểm), không súc tích, không tóm lược được kiến thức trọng tâm (0 điểm).	
		- Nội dung trình bày có cập nhật kiến thức mới liên quan đến chủ đề (0.5 điểm), không cập nhật kiến thức mới liên quan đến chủ đề (0 điểm).	
		- Nội dung trình bày có liên hệ với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế (0.5 điểm), không liên hệ với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế (0 điểm)	
3	Thuyết trình	- Trình bày tự tin (0.5 điểm), không tự tin (0 điểm)	
		- Phát âm chuẩn xác, rõ ràng, lưu loát (1 điểm), phát âm chuẩn xác, rõ ràng nhưng không lưu loát (0.5 điểm)	1.75 điểm
		- Thời gian thuyết trình trong khoảng 13-15 phút (0.25 điểm), thời gian thuyết trình nhỏ hơn 13 phút hoặc lớn hơn 15 phút (0 điểm).	
4	Tương tác	- Trả lời rất tốt tất cả các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (1 điểm).	
		- Trả lời tốt tất cả các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (0.5 điểm).	1
		- Trả lời chưa tốt (áp ứng, diễn đạt không lưu loát) hoặc không trả lời được các câu hỏi thảo luận do GV hoặc các học viên khác đặt ra (0 điểm).	
Tổng			10

3. Kết thúc học phần

3.1. Mục đích

Bài đánh giá kết thúc học phần nhằm mục đích đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp, phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp để phân tích, lý giải chuyên sâu về một hiện tượng ngữ pháp trong thực tế.

3.2. Yêu cầu

Học viên vận dụng kiến thức về từ loại, cấu trúc cú pháp, phương pháp phân tích ngữ pháp, các trường phái nghiên cứu ngữ pháp để viết một tiểu luận liên quan đến một trong số các trọng điểm ngữ pháp trong phạm vi học phần. Bài tiểu luận được viết dưới hình thức là một bản thảo bài báo khoa học bằng tiếng Trung bao gồm các phần như sau: tên bài báo; tên tác giả; tóm tắt; từ khóa; mở đầu; tổng quan nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; thảo luận; kết luận; tài liệu tham khảo.

Độ dài tiểu luận: 4500-5000 chữ

Hình thức trình bày: Viết tiểu luận bằng ngôn ngữ Trung Quốc, phông chữ Simsun, cỡ chữ 12, lề trên 2.5, lề dưới 2.5, lề trái 3, lề phải 2.5.

Thời gian nộp tiểu luận: Trong vòng một tuần tính từ thời điểm kết thúc buổi học của tuần thứ 12.

3.3 Tiêu chí đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuẩn bị	Bài tiểu luận nộp đúng hạn, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm); Không nộp đúng hạn (0 điểm)	0.25 điểm
2	Hình thức	- Bài tiểu luận trình bày theo đúng mẫu quy định (chương, mục, đánh số trang, biểu đồ, trích dẫn tài liệu tham khảo..) được điểm tuyệt đối (0.25 điểm); Trình bày không đúng quy định (0 điểm).	0.25 điểm
3	Bố cục	- Bài tiểu luận có bố cục rất chặt chẽ, hợp lý, logic, được điểm tuyệt đối (0.5 điểm); Có bố cục chặt chẽ, hợp lý, logic (0.25 điểm); Bố cục không chặt chẽ, không hợp lý, không logic (0 điểm).	0.5 điểm
4	Nội dung	- Tiêu đề của bài tiểu luận xác định được đầy đủ mục đích, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm); Không xác định được đầy đủ các thành phần của tiêu đề (0 điểm). - Phần tóm tắt xác định được bối cảnh nghiên cứu, mục đích, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, đề xuất cải tiến, được điểm tuyệt đối (0.5 điểm); Không xác định được đầy đủ các thành phần của tóm tắt (0 điểm) - Phần mở đầu cung cấp những thông tin chung về bối cảnh nghiên cứu, khoảng trống nghiên cứu/những đóng góp chính, mục tiêu nghiên cứu cụ thể/các câu hỏi nghiên cứu một cách rất rõ ràng, rất cụ thể, được điểm tuyệt đối (1 điểm); Trường hợp cung cấp thông tin ở mức độ rõ ràng, cụ thể (0.5 điểm); Trường hợp cung cấp thông tin không rõ ràng, không cụ thể (0 điểm). - Phần tổng quan nghiên cứu trình bày, giải thích được các khái niệm, quan điểm liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đánh giá được các khái niệm, quan điểm có sự đóng góp lớn nhất cho lĩnh vực nghiên cứu ở mức độ rất cụ thể, rất rõ ràng được điểm tuyệt đối (1.5 điểm); Trường hợp chỉ ở mức độ cụ thể, rõ ràng được (1 điểm); Trường hợp chỉ ở mức độ hơi cụ thể, hơi rõ ràng được	8 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
		(0.5 điểm); Trường hợp ở mức độ không cụ thể, không rõ ràng (0 điểm). - Phần phương pháp nghiên cứu được trình bày rất cụ thể, rất rõ ràng, rất phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, được điểm tuyệt đối (1 điểm); Trường hợp ở mức độ cụ thể, rõ ràng, phù hợp, được (0.5 điểm); Trường hợp không cụ thể, không rõ ràng (0 điểm). - Phần kết quả nghiên cứu được trình bày ở mức độ rất phù hợp với mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, được điểm tuyệt đối (1.5 điểm); Trường hợp ở mức độ phù hợp với mục tiêu, phương pháp nghiên cứu được (1 điểm); Trường hợp ở mức độ chỉ phù hợp với mục tiêu hoặc chỉ phù hợp với phương pháp nghiên cứu, được (0.5 điểm); Trường hợp không phù hợp với mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, được (0 điểm). - Phần thảo luận giải thích được ý nghĩa, tầm quan trọng của kết quả nghiên cứu, đồng thời có so sánh với những nghiên cứu trước đây ở mức độ rất logic, rất cụ thể, rất rõ ràng, được điểm tuyệt đối (1.5 điểm); Trường hợp ở mức độ logic, cụ thể, rõ ràng được (1 điểm); Trường hợp mức độ logic, cụ thể chưa được rõ nét (0.5 điểm); Trường hợp không logic, không cụ thể, không rõ ràng được (0 điểm). - Phần kết luận trình bày rất ngắn gọn, rất cụ thể, rất rõ ràng về các kết quả nghiên cứu chính, tính ứng dụng và hạn chế của nghiên cứu, được điểm tuyệt đối (0.5 điểm); Trường hợp trình bày ở mức độ ngắn gọn, cụ thể, rõ ràng được (0.25 điểm); Trường hợp không ngắn gọn, không cụ thể, không rõ ràng được (0 điểm). - Phần tài liệu tham khảo được liệt kê đầy đủ theo các tài liệu đã trích dẫn trong nội dung bài tiểu luận và có tính cập nhật, được điểm tuyệt đối (0.5 điểm); Trường hợp liệt kê chưa đầy đủ tài liệu đã trích dẫn trong nội dung bài tiểu luận và chưa có tính cập nhật, được (0.25 điểm); Trường hợp không liệt kê tài liệu đã trích dẫn trong nội dung bài tiểu luận, được (0 điểm).	
5	Văn phong	- Ngôn ngữ trình bày tiếng Trung theo văn phong học thuật ở mức độ rất chính xác, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm) ; Trường hợp ở mức độ không chính xác, được (0	0.25 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
		điểm).	
6	Chính tả	- Bài tiểu luận không có bất kỳ lỗi chính tả nào, được điểm tuyệt đối (0.25 điểm); Trường hợp có lỗi chính tả, được (0 điểm).	0.25 điểm
Tổng			10

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên: để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Tham gia học tập trên lớp từ 70% số tiết trở lên.
- + Hoàn thành 100% nhiệm vụ học tập trực tuyến.
- + Hoàn thành 100% nội dung các bài đánh giá thường xuyên trên lớp.

- Điều kiện cơ sở vật chất: phòng học phải trang bị đầy đủ máy chiếu có kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1] 刘月华, 潘文斌, 故鞞, 实用现代汉语语法, 商务印书馆, 2021.

[2] 陆俭明, 现代汉语语法研究教程, 北京大学出版社, 2020.

- Tài liệu tham khảo

[1] 陆俭明, 现代汉语语法研究教程, 北京大学出版社, 2020.

[2] 邵敬敏、任芝瑛、李家树、税昌锡、吴立红, 汉语语法专题研究, 商务印书馆, 2020.

[3] 卢福波, 汉语语法教学理论与方法, 北京语言大学出版社, 2022.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

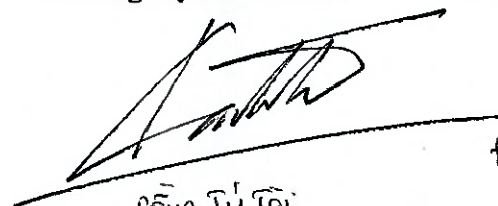
Trưởng khoa/Hiệu trưởng

Trưởng Bộ môn/Khoa

Nhóm soạn thảo



Hoàng Ngọc Huệ



Cẩm Tú Tài



Đinh Bích Thảo

Trần Thủy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Semantics
Mã học phần	FL7341
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7040; FL7043
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Hiểu được kiến thức tổng quan về lý luận, phương pháp nghiên cứu và sự phát triển của ngữ nghĩa học bao gồm ngữ nghĩa truyền thống và ngữ nghĩa học hiện đại, nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ, hệ thống nghĩa từ vựng (trường từ vựng), cấu trúc ngữ nghĩa của câu, diễn biến của các đơn vị ngữ nghĩa trong tiếng Trung Quốc.	SO1
G2	Vận dụng kiến thức về ngữ nghĩa học để phân tích, nhận diện về đặc điểm ngữ nghĩa, chức năng hành chức của các đơn vị ngôn ngữ tiếng Trung Quốc cụ thể trong thực tiễn sử dụng.	SO1

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Áp dụng kiến thức tổng quan lý luận, phương pháp nghiên cứu và sự phát triển của ngữ nghĩa học bao gồm ngữ nghĩa truyền thống và ngữ nghĩa học hiện đại, nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ, hệ thống nghĩa từ vựng (trường từ vựng), cấu trúc ngữ nghĩa của câu, diễn biến của các đơn vị ngữ nghĩa trong tiếng Trung Quốc để nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ phục vụ các mục đích giao tiếp, nghiên cứu, trao đổi học thuật đáp ứng yêu cầu sử dụng ngôn ngữ trong công việc chuyên môn.	PI 3.2	TU
L2	Vận dụng kiến thức ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa sử dụng trong thực tiễn	PI 1.3	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan về lý luận, phương pháp nghiên cứu và sự phát triển của ngữ nghĩa học bao gồm ngữ nghĩa truyền thống và ngữ nghĩa học hiện đại, nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ, hệ thống nghĩa từ vựng (trường từ vựng), cấu trúc ngữ nghĩa của câu, diễn biến của các đơn vị ngữ nghĩa trong tiếng Trung Quốc. Sau khi kết thúc học phần học viên hình thành, phát triển năng lực tự nghiên cứu tiếp thu những yếu tố có giá trị của ngữ nghĩa học hiện đại. Đặc biệt là nghiên cứu đặc điểm của tiếng Trung Quốc nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực được đặt ra trong ngôn ngữ hiện đại. Đồng thời giúp học viên vận dụng kiến thức về ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	Giới thiệu học phần và phương pháp học tập 第一课: 总论 Tiết 1 :Tổng quan								
2	第二课: 现代汉语 词义分析 (上) Tiết 2: Phương pháp phân tích nghĩa của từ , ngữ âm và ngữ nghĩa trong tiếng Trung Quốc hiện đại(Phần 1)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 现代汉语 词义分析 (下) Tiết 3: Phương pháp phân tích nghĩa của từ , ngữ âm và ngữ nghĩa trong tiếng Trung Quốc hiện đại(Phần 2)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 汉语语义 场 Tiết 4: Trường từ vựng - ngữ nghĩa	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 现代汉语 句义分析 (上) Tiết 5: Phân tích ngữ nghĩa của tiếng Hán hiện đại (Phần 1)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 现代汉语 句义分析 (下) Tiết 6: Phân tích ngữ nghĩa của tiếng Hán hiện đại (Phần 2)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 汉语同义 现象分析 (上) Tiết 7: Các hiện tượng đồng nghĩa trong tiếng Trung Quốc(Phần 1)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 汉语同义 现象分析 (下)	10	4	0	0	0	0	4	L1;

	Tiết 8: Các hiện tượng đồng nghĩa trong tiếng Trung Quốc(Phần 2)								L2
9	第九课: 汉语反义现象 (1) Tiết 9: Hiện tượng trái nghĩa trong tiếng Trung Quốc(Phần 1)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第九课: 汉语反义现象 (2) Tiết 9: Hiện tượng trái nghĩa trong tiếng Trung Quốc(Phần 2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十课: 汉语反义现象 (3) Tiết 10: Hiện tượng trái nghĩa trong tiếng Trung Quốc(Phần 3)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	复习 Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Tự luận	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường

xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 叶文曦, 语义学教程 (Hướng dẫn ngữ nghĩa) 北京大学出版社, 2021.

- Tài liệu tham khảo:

1. 王淑雯 (2021). 社会语言学概论, 四川大学出版社.

2. 刘毓容 (2019). 语言变异的概念整合研究. 北京大学出版社.

3. 陈 Tú Tài, Nguyễn Thị Lê “Tập bài giảng ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc”
汉语语义学》 Trường Ngoại ngữ Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022.

**Trưởng Khoa/
Hiệu trưởng**



Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



**Cẩm Tú Tài
Nguyễn Thị Lê**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Lí thuyết dịch tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Translation Theory Studies (Chinese)
Mã học phần	FL7342
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7033; FL7041
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Học phần này cung cấp các kiến thức về khái niệm, bản chất, vị trí vai trò của hoạt động phiên dịch trong đời sống xã hội; nghiên cứu các trường phái phiên dịch, các loại hình phiên dịch, trình tự quy trình phiên dịch, các tiêu chí cơ bản của phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo phiên dịch.	SO2
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các trong thực tiễn dịch thuật.	SS4

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (L/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao và công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.	PI 2.2	TU
L2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.	PI 4.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm ba phần: Phần thứ nhất, nghiên cứu làm rõ khái niệm, bản chất, vị trí vai trò của hoạt động phiên dịch trong đời sống xã hội; nghiên cứu các trường phái phiên dịch, các loại hình phiên dịch. Phần thứ hai, nghiên cứu trình tự quy trình phiên dịch, các tiêu chí cơ bản của phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo phiên dịch. Phần thứ ba, nghiên cứu tình hình dạy dịch ở Trung Quốc và Việt Nam, mục tiêu yêu cầu của dạy học phiên dịch hiện nay; nghiên cứu nội dung và phương pháp biên soạn giáo trình dịch; nghiên cứu xây dựng phương pháp dạy dịch; nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy dịch. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu dịch thuật và lý giải các vấn đề trong thực tiễn phiên dịch.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
4	学分介绍及学习方法 Giới thiệu tín chỉ và phương pháp học 第一课: 翻译历史 Bài 1: Lịch sử dịch thuật	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	第二课: 翻译类型	9	4	0	0	0	0	4	

	Bài 2: Các loại dịch thuật								
0	第三课: 翻译流派 Bài 3: Các trường phái dịch thuật	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 翻译本质 Bài 4: Bản chất của dịch thuật	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 翻译程序 (原文理解; 译文表达; 原文与译文校对) Bài 5: Quá trình phiên dịch (Tìm hiểu văn bản gốc; Diễn đạt văn bản dịch; Soát lỗi văn bản gốc và văn bản dịch)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 翻译标准 (语言标准; 语用标准; 体裁标准; “信、达、雅”标准) Bài 6: Tiêu chuẩn dịch thuật (Tiêu chuẩn ngôn ngữ; Tiêu chuẩn ngữ dụng; Tiêu chuẩn thể loại; Tiêu chuẩn “Tín, “đạt” và “nhã”)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 翻译方法和技巧 (直译法; 意译法; 译词方法; 译句方法; 成语翻译方法) Bài 7: Phương pháp và kỹ thuật dịch (rục dịch và dịch ý;; Phương pháp dịch từ; Dịch	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	câu; Dịch thành ngữ)								
8	第八课: 翻译教学现状之研究 (课程设置; 教材建设; 教学方法研究; 测试探讨; 师资队伍建设) Bài 8: Nghiên cứu thực trạng dạy học phiên dịch (Xây dựng chương trìnhXây dựng sách giáo khoa, Nghiên cứu phương pháp dạy học, Thảo luận kiểm tra, Xây dựng đội ngũ giáo viên)	9	4	0					L1; L2
9	第九课: 信息社会对翻译教学的影响之研究 Bài 9: Nghiên cứu ảnh hưởng của xã hội thông tin đối với việc dạy dịch thuật	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第十课: 信息社会对翻译教学的影响之研究 Bài 10: Nghiên cứu ảnh hưởng của xã hội thông tin đối với việc dạy dịch thuật (2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十一课: 翻译教学与研究的发展趋势 Bài 11: Xu hướng giảng dạy và nghiên cứu dịch thuật	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	第十二课: 复习 Bài 12: Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Tự luận	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 刘宓庆(2020). 新编当代翻译理论 = Contemporary studies of translation. 中国出版集团公司, 中国对外翻译出版有限公司.

- Tài liệu tham khảo:

1. 康志洪 (主编) (2021). 科技翻译 = Scientific and Technical Translation. 外语教学与研究出版社.

2. 何刚强 (2021). 笔译理论与技巧 = A Concise Course of Translation. 外语教学与研究出版社

3. 胡显耀 (2021). 语料库文体统计学方法与应用 (外语学科核心话题前沿研究文库. 翻译学核心话题系列) = Các phương pháp và ứng dụng thống kê phong cách

Corpus. 外语教学与研究出版社.

4. 陈福康 (2018) . 中国译学史= Lịch sử Nghiên cứu Dịch thuật Trung Quốc.
上海外语教育出版社.

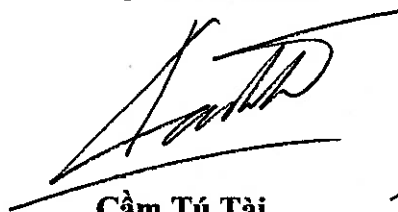
5. Lê Hùng Tiến (2018). *Phê bình đánh giá dịch thuật - Một số vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật Anh - Việt*. Nxb ĐHQG Hà Nội.

**Trưởng Khoa/
Hiệu trưởng**



Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



**Cẩm Tú Tài
Nguyễn Thu Trà**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Văn tự học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Characters Study
Mã học phần	FL7343
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7041; FL7047
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Trà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 090484681

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: NguyenThuTra@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chữ Hán và ngành văn tự học chữ Hán như: lịch sử chữ Hán, nguồn gốc, tính chất của chữ Hán; cấu tạo chữ Hán; hình dạng của chữ Hán, mối quan hệ hình, âm, ý của chữ Hán; quy luật tiến trình phát triển của chữ Hán	SO1
G2	Học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết tiến hành nghiên cứu văn tự học và giải quyết vấn đề văn tự học của các học giả.	SO1

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (L/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về văn tự học tiếng Trung để phân tích các hiện tượng về chữ Hán và vận dụng các kỹ năng cần thiết trong các tình huống trong thực tế	PI 1.3	TU
L2	Vận dụng kiến thức về văn tự học trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.	PI 1.4	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần văn tự học tiếng Trung Quốc cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chữ Hán và ngành văn tự học chữ Hán như: lịch sử chữ Hán, nguồn gốc, tính chất của chữ Hán; cấu tạo chữ Hán; hình dạng của chữ Hán, mối quan hệ hình, âm, ý của chữ Hán; quy luật tiến trình phát triển của chữ Hán, thông qua chữ Hán tìm hiểu về văn hóa Hán, các phương pháp và nguyên tắc nghiên cứu Hán tự. Học phần cũng giúp học viên bước đầu nắm được những phương pháp tiến hành nghiên cứu, những thay đổi trong phương pháp luận nghiên cứu, những tiến bộ trong cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề văn tự học của các học giả.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法 第一课: 汉语文字学简史 Giới thiệu học phần Lịch sử văn tự học Trung Quốc	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	第二课: 汉字的性质和起源 Tính chất và nguồn gốc chữ Hán	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 汉字的	9	4	0	0	0	0	4	L1;

	结构 Cấu tạo chữ Hán								L2
4	第四课: 汉字的形体 (上) 小考一 Hình thể chữ Hán	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 汉字的形体 (下) Hình thể chữ Hán (tiếp)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 汉字的形音义关系 Quan hệ hình , âm, nghĩa chữ Hán	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 汉字发展演变的规律 Quy luật diễn biến phát triển văn tự	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 汉字与中国文化 小考二 Chữ Hán và văn hóa Trung quốc	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	30	L1	Thuyết trình	4	40
			L2		6	60
2	Kết thúc học phần	70	L1	Tiểu luận	6	60
			L2		4	40

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài thuyết trình thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet..

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1]徐志奇, 汉语文字学概要, 西南大学出版社, 2022

- Tài liệu tham khảo:

[1]李庆本、毕继万、李楠、陈忠 主编, 中外文化比较与跨文化交际, 北京语言出版社, 2021.

[2] 胡显耀, 语料库文体统计学方法与应用 (外语学科核心话题前沿研究文库. 翻译学核心话题系列), 外语教学与研究出版社, 2021

[3] 文秋芳, 应用语言学- 研究方法 with 论文写作, 外语教学与研究出版社, 2021

Trưởng khoa/Hiệu trưởng

Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa

Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo

Nguyễn Thu Trà
Cẩm Tú Tài

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Pragmatics
Mã học phần	FL7344
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7033; FL7041
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Học phần này cung cấp các kiến thức về khái niệm, lí luận liên quan và nội dung chuyên sâu của ngữ dụng học, tổng quan nghiên cứu về ngữ dụng học của một số học giả tiêu biểu trên thế giới, ở Trung Quốc và ở Việt Nam.	SO1
G2	Học viên vận dụng kiến thức về ngữ dụng học để phân tích, nhận diện về đặc điểm ngữ nghĩa, chức năng hành chức của các đơn vị ngôn ngữ tiếng Trung Quốc cụ thể trong thực tiễn sử dụng.	SO1

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	PI 1.3	TU
L2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.	PI 4.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp kiến thức hệ thống về khái niệm, lí luận liên quan và nội dung chuyên sâu của ngữ dụng học, tổng quan nghiên cứu về ngữ dụng học của một số học giả tiêu biểu trên thế giới, ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Trên cơ sở khối kiến thức chung, học phần sẽ tập trung làm rõ các khái niệm, vấn đề chính yếu của việc nghiên cứu ngôn ngữ ở trạng thái hoạt động (hành chức) được biểu hiện qua đối tượng giao tiếp, thông tin giao tiếp, hành động ngôn ngữ, ngữ cảnh sử dụng ngôn từ, lập luận và thông tin miêu tả, nguyên tắc và cấu trúc hội thoại, ý nghĩa tường minh và hàm ẩn, cơ chế tạo hàm ngôn và phân loại tiền giả định, chỉ xuất, hệ qui chiếu, phương thức và hành động chiếu vật, biểu thức ngôn hành, hội thoại, diễn ngôn, v.v... Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ dụng học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu học phần và phương pháp học 第一课: 语用学概览 Bài 1: Tổng quan	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	về ngữ dụng học								
2	第二课: 语境 Bài 2: Ngữ cảnh	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 言语行为 Bài 3: Hành động ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 会话含意 Bài 4: Hàm ý hội thoại	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 合作原则 Bài 5: Nguyên tắc hợp tác	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 指示语 Bài 6: chỉ dẫn xuất, qui chiếu trong ngữ dụng học tiếng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 预设 Bài 7: Tiền giả định	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 会话分析 Bài 8: Phân tích hội thoại	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课: 礼貌原则 Bài 9: Nguyên tắc lịch sự	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第九课: 礼貌原则(2) Bài 9: Nguyên tắc lịch sự (2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十课: 语用能力及其变异 Bài 10: Năng lực ngữ dụng và các biến thể của nó	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	复习 Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Tự luận	10	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Tự luận	10	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tự luận	10	60
			L2	Tự luận	10	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1] 徐志奇, 汉语文字学概要, 商务印书馆, 2022

- Tài liệu tham khảo:

[1] 叶文曦, 语义学教程, 北京大学出版社, 2021.

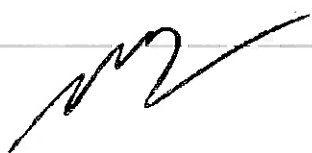
[2] 索振羽 (主编), 语用学教程, 北京大学出版社, 2022.

[3] Ngô Thị Huệ, Đối chiếu ngôn ngữ Hán – Việt lý luận và thực tiễn 汉越语言对比-理论与实践, Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2020.

Hiệu trưởng

Khoa/Trường trực thuộc

Nhóm soạn thảo



Hoàng Ngọc Huệ



Cẩm Tú Tài



Cẩm Tú Tài
Nguyễn Thị Lê



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese - Vietnamese Language Contacting
Mã học phần	FL7345
Số tín chỉ: TS (LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN))	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không
Ngày ban hành	
Lần ban hành	

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê

Chức danh: Giảng viên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0975096659

Email: nguyenthile.hau@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức về quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Trung – Việt và hệ quả của nó. Đồng thời, họ cũng hiểu về tính ứng dụng và các giai đoạn tiếp xúc Trung – Việt cũng như các con đường tiếp xúc để hình thành nên các đơn vị mượn Hán khác nhau trong tiếng Việt. Từ đó học viên có thể phân tích du nhập của các từ Hán vào tiếng Việt và sự hoạt động của các đơn vị này trong tiếng Việt hiện đại.	SO1

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G2	Học viên vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế so sánh chúng với tiếng Hán hiện đại để thấy rõ tác động của các nhân tố văn hoá - xã hội đối với quá trình đồng hoá và hành chức của các đơn vị này trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể	SO1

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể	PI 1.2	TU
L2	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể	PI 1.4	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên bức tranh tổng quát về sự tiếp xúc song ngôn ngữ Trung – Việt và quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Trung – Việt và hệ quả của nó. Chú trọng tới tính ứng dụng và các giai đoạn tiếp xúc Trung – Việt cũng như các con đường tiếp xúc để hình thành nên các đơn vị mượn Hán khác nhau trong tiếng Việt. Sau khi học xong học phần, học viên có thể phân tích du nhập của các từ Hán vào tiếng Việt và sự hoạt động của các đơn vị này trong tiếng Việt hiện đại. Đồng thời so sánh chúng với tiếng Hán hiện đại để thấy rõ tác động của các nhân tố văn hoá - xã hội đối với quá trình đồng hoá và hành chức của các đơn vị này, sẽ giúp ích cho việc nâng cao khả năng diễn đạt ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp của bản thân.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
1	学分介绍及学习方法	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
	Chủ đề 1: Những vấn đề lý thuyết về tiếp xúc ngôn ngữ Bài 1: Khái niệm và đặc điểm								
2	Chủ đề 1 Những vấn đề lý thuyết về tiếp xúc ngôn ngữ (tiếp) Bài 2: Hệ quả của sự tiếp xúc ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	Chủ đề 2 Quá trình tiếp xúc song ngôn ngữ- văn hóa giữa tiếng Trung và tiếng Việt Bài 1: Quá trình tiếp xúc song ngôn ngữ - văn hóa giữa tiếng Trung- Việt	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	Chủ đề 3 Bức tranh chung về từ mượn tiếng Trung trong tiếng Việt Bài 1: Quan niệm về từ vay mượn 小考（一）	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	Chủ đề 3 Bức tranh chung về từ mượn tiếng Trung trong tiếng Việt (tiếp) Bài 2: Phân loại từ vay mượn tiếng Trung từ các góc nhìn khác nhau	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
6	Chủ đề 4 Hoạt động của từ Hán Việt trong tiếng Việt Bài 1: Quan niệm về từ Hán Việt	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	Chủ đề 4 Hoạt động của từ Hán Việt trong tiếng Việt (tiếp) Bài 2: Đặc điểm của từ Hán Việt	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	Chủ đề 5 Thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt Bài 1: Thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	Chủ đề 5 Thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt (tiếp) Bài 1: Thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	Chủ đề 6 Các từ cổ Hán Việt và Hán Việt- Việt hóa Bài 1: Các từ cổ Hán Việt và Hán Việt -Việt hóa	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
11	Chủ đề 7 Từ Hán Việt với việc bảo vệ và phát	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
	triển ngôn ngữ - văn hóa tiếng Việt								
12	复习 +(Hướng dẫn viết bài tiểu luận môn học)	1	1	0	0	0	0	1	L1; L2
	Tổng cộng	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Tự luận	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 王朝晖, 跨文化交际案例教程 (Hướng dẫn tình huống giao tiếp đa văn hóa). 山东大学出版社, 2020.

- Sách, tài liệu tham khảo:

[1] 姜望琪, 语用学·理论及应用, 北京大学出版社, 2019.

[2] 李庆本, 中外文化比较与跨文化交际 (So sánh văn hóa Trung Quốc và nước ngoài, giao tiếp giữa các nền văn hóa), 北京语出版社, 2021.

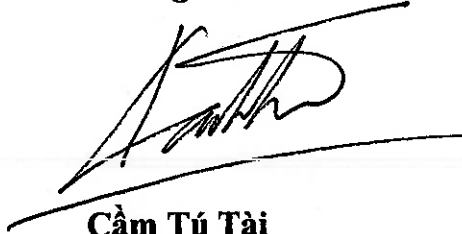
[3] Ngô Thị Huệ, Đối chiếu ngôn ngữ Hán – Việt lý luận và thực tiễn 汉越语言对比-理论与实践, Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2020.

Hiệu trưởng



Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Nguyễn Thị Lê

Úng Thùy Linh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ truyền thông (tiếng trung quốc)
Tên học phần (Tiếng Anh)	The media language (chinese)
Mã học phần	FL7346
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ trung quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ ngôn ngữ trung quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7045; FL7047
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: phó giáo sư, tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần có nội dung cốt lõi liên quan đến lí luận về truyền thông, truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với truyền thông và đặc trưng của ngôn ngữ truyền thông; trình bày và phân tích về mặt lí luận cũng như thực tế vai trò và tầm quan trọng của ngôn ngữ truyền thông trong giao tiếp tiếng trung quốc; về lí luận, nội dung học phần hướng tới việc gắn ngôn ngữ với nhu cầu xã hội, đặc biệt trên phương diện chức năng tác động của ngôn ngữ; về thực tiễn, khi kết thúc học phần, hướng đến việc học viên có thể áp dụng những lí luận mới về truyền thông học, ngôn ngữ học, ngôn ngữ truyền thông tiếng trung quốc vào việc nâng cao chất lượng thiết kế thông điệp truyền thông, mở rộng ra các không gian khác của truyền thông như nghệ thuật, phát triển cộng đồng, truyền thông thương mại và tiếp thị.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	PI 1.2	TU
L2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.	PI 4.1	TU

5. Quy định dạy - học và đánh giá

5.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân Của hv (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của hp
			Lý thuyết (giờ)		Thh/ Tn (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/đề án (giờ)	Tổng Số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu tín chỉ và phương pháp học tập 第一课: 传媒解读: 信息、传播、传媒及其演进 bài 1: Diễn giải phương tiện: thông tin, giao tiếp, truyền thông và sự tiến hóa của nó	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	第二课: 传媒语言概论 Bài 2: Giới thiệu ngôn ngữ phương tiện	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 传播学理论 Bài 3: Lý thuyết	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	truyền thông								
4	第四课：符号学理论 Bài 4: Lý thuyết ký hiệu học	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课：报刊语言 Bài 5: Ngôn ngữ báo chí	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课：广播影视语言 Bài 6: Ngôn ngữ Radio, phim và truyền hình	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课：网络语言 bài 7: Ngôn ngữ mạng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课：新闻语言 Bài 8: Ngôn ngữ tin tức	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课：广告语言 Bài 9: Ngôn ngữ quảng cáo	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第九课：广告语言(2) Bài 9: Ngôn ngữ quảng cáo (2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十课：传媒语言的发展 Bài 10: Phát triển ngôn ngữ truyền thông	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	复习 Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

5.2 quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm hp (%)	Mã cđr được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của cđr trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo cđr (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Vấn đáp	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	100
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	100

6. Điều kiện thực hiện học phần

- đối với học viên: để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + tham gia học tập trên lớp từ 70% số tiết trở lên.
- + hoàn thành 100% nhiệm vụ học tập trực tuyến.
- + hoàn thành 100% nội dung các bài đánh giá thường xuyên trên lớp.

- điều kiện cơ sở vật chất: phòng học phải trang bị đầy đủ máy chiếu có kết nối internet.

7. Tài liệu học tập

- tài liệu chính:

1. 范文澜, 中国通史简编, 北京联合出版公司, 2022.

- tài liệu tham khảo:

1. 宋欣桥, 普通话语音训练教程-发音练习手册, 商务印书馆, 2020
2. 王淑雯, 社会语言学概论, 四川大学出版社, 2021.
3. 叶文曦, 语义学教程, 北京大学出版社, 2021.

Hiệu trưởng



Hoàng Ngọc Huệ

Khoa/trường trực thuộc



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Giao tiếp liên văn hoá (Tiếng Trung Quốc)
Tên học phần (Tiếng Anh)	Intercultural Communication (Chinese)
Mã học phần	FL7347
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7041; FL7043
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Trà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 090484681

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: NguyenThuTra@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hóa. Vận dụng kiến thức giao tiếp liên văn hóa vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	SO1
G2	Học viên vận dụng kiến thức giao tiếp liên văn hoá, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hóa cá nhân, và biết trân trọng những tương đồng và khác biệt văn hóa, nghiên cứu khoa học, cũng như trong giảng	SO2

	dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hóa.	
--	--	--

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.	PI 1.4	TU
L2	Vận dụng kiến thức về giao tiếp liên văn hoá để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học	PI 2.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hóa, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hóa, cũng như trong một nền văn hóa. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hóa, chiếm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hóa cá nhân, và biết trân trọng những tương đồng và khác biệt văn hóa, cũng như trong giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hóa.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu ra của HP	
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/Đề án TN		Tổng số (giờ)
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	课程介绍及学习方法 第一课：文化与交际& 跨文化交际 Bài 1: Văn hóa và Giao tiếp & Giao tiếp liên văn	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	hóa								
2	第二课：语言交际中的跨文化差异 (语音;句法) Bài 2: Sự khác biệt giữa các nền văn hóa trong giao tiếp ngôn ngữ (ngữ âm; cú pháp)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课：语言交际中的跨文化差异 (语用)&越南与中国的交流与文化互动(续) Bài 3: Sự khác biệt liên văn hóa trong giao tiếp ngôn ngữ (ngữ dụng) & giao tiếp và giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc (tiếp)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课：汉、越词汇与文化&从汉语文字体会汉民族文化 Bài 4: Từ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	vựng và Văn hóa Hán Việt & Tìm hiểu Văn hóa Dân tộc Hán từ Hán tự								
5	第五课： 汉、越词汇 与 文化 (续)& 汉、 越词汇于交 际中的进阶 表达 &语言 文化接触的 汉 越 词 以 汉、越文化 词语 Bài 5: Từ vựng và văn hóa Hán Việt (tiếp theo) & Biểu hiện nâng cao của từ vựng Hán Việt trong giao tiếp & Từ vựng Hán Việt tiếp xúc với ngôn ngữ và văn hóa	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课:非言 语交际文化 (体态语 ,反 馈语, 跨文 化交际中的 社会符码与 禁忌 Bài 6: Văn Hóa Giao Tiếp Phi Ngôn Ngữ (Ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	cơ thể, ngôn ngữ phản hồi, quy tắc xã hội và những điều cấm kỵ trong giao tiếp đa văn hóa								
7	第七课：生活情景交际的实际运用 (日常情境中的交际，幽默在交际中的运用) Bài 7: Ứng dụng thực tế của giao tiếp trong các tình huống cuộc sống (giao tiếp trong các tình huống hàng ngày, ứng dụng của sự hài hước trong giao tiếp)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课：生活情景交际的实际运用 (日常情境中的交际，幽默在交际中的运用) Bài 8: Ứng dụng thực tế của giao tiếp trong các tình huống cuộc sống (giao tiếp	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	trong các tình huống hàng ngày, ứng dụng của sự hài hước trong giao tiếp)								
9	第九课: 缓解文化休克的方法 Cách giảm sốc văn hóa	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第十课: 复习 Bài 10: Ôn tập	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
11	第十一课: 小论文写作指导 Bài 11: Hướng dẫn viết luận	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
12	第十二课: 小论文写作指导 Bài 12: Hướng dẫn viết luận (tiếp)	0	1	0	0	0	0	4	L1; L2
	Tổng cộng:	108	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	30	L1	Thuyết trình	4	40
			L2		6	60

2	Kết thúc học phần	70	L1	Tiểu luận	6	60
			L2		4	40

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài thuyết trình thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 林焘、王理嘉, 语音学教程, (增订版), 北京大学出版社, 2021

- Tài liệu tham khảo:

[1] 宋欣桥, 普通话语音训练教程-发音练习手册, 商务印书馆, 2020

[2]. 丁崇明, 荣晶, 现代汉语语音教程, 北京大学出版社, 2019

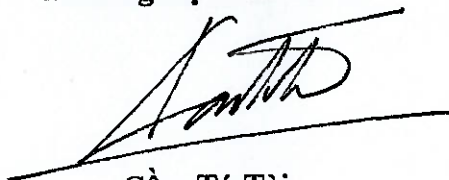
[3]. 李丹丹, 应用语言学- 研究方法 with 论文写作, 北京大学出版社, 2021

Trưởng khoa/Hiệu trưởng



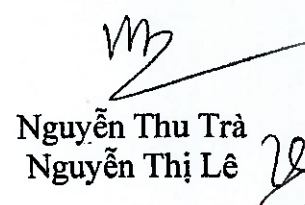
Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Nguyễn Thu Trà
Nguyễn Thị Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Teaching Methodology
Mã học phần	FL7348
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7040; FL7049
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Điện thoại: 0982088718

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Học phần này cung cấp các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về lý luận và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phân tích điểm mạnh của từng phương pháp, chú trọng giới thiệu các phương pháp hiện đại.	SO2
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và dạy học tiếng Trung Quốc; thực hành phân tích các phương pháp, các ví dụ, các giờ dạy học cụ thể gắn với giảng dạy từng yếu tố ngôn ngữ, từng kỹ năng tiếng Trung Quốc; thực hành xây dựng giáo án và tập sự giảng dạy.	SO5

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm phần lí luận giới thiệu các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về lý luận và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phân tích điểm mạnh của từng phương pháp, chú trọng giới thiệu các phương pháp hiện đại. Giới thiệu mục đích và nguyên tắc của hoạt động giảng dạy tiếng Trung Quốc. Tập trung vào các vấn đề lý luận và phương pháp liên quan đến giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và các kỹ năng tiếng Trung Quốc. Phần thực hành phân tích các phương pháp, các ví dụ, các giờ dạy học cụ thể gắn với giảng dạy từng yếu tố ngôn ngữ, từng kỹ năng tiếng Trung Quốc. Học viên được giao nhiệm vụ xây dựng giáo án và tập sự giảng dạy. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và dạy học tiếng Trung Quốc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (L/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.	PI 2.3	TU
L2	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác	PI 5.1	TU

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu tín chỉ và phương pháp học 第一课: 汉语教学理论	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	Bài 1: Lý thuyết dạy học tiếng Trung								
2	第二课: 汉语语音教学法 Bài 2: Phương pháp dạy ngữ âm tiếng Trung	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 汉字教学法 Bài 3: Phương pháp dạy chữ Hán	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 汉语词汇教学法 Bài 4: Phương pháp dạy từ vựng tiếng Trung	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 汉语语法教学法 Bài 5: Cách dạy ngữ pháp tiếng Trung	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 语言教学中的文化教学 Bài 6: Giảng dạy văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 听力技能的训练 Bài 7: Rèn luyện kỹ năng nghe	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 说话技能的训练 Bài 8: Rèn luyện kỹ năng nói	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课: 阅读技能的训练 Bài 9: Rèn luyện kỹ năng đọc	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第十课: 阅读技能的训练 (2) Bài 9: Rèn luyện kỹ năng đọc	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十一课: 汉语	10	4	0	0	0	0	4	

	课堂教学技巧与 教师素质培养 Bài 11: Kỹ năng giảng dạy trên lớp tiếng Trung và đào tạo chất lượng giáo viên								L1; L2;
12	第十二课: 复习 Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Tự luận	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

7. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 李丹丹, 应用语言学- 研究方法与论文写作, 北京大学出版社, 2021
2. 李庆本, 中外文化比较与跨文化交际, 北京语言大学出版社, 2021.

- Tài liệu tham khảo:

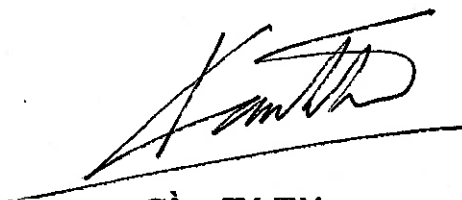
1. 陈昌来 (2022). 汉语句式研究. 学林出版社.
2. 胡显耀 (2021). 语料库文体统计学方法与应用(外语学科核心话题前沿研究文库.翻译学核心话题系列). 北京语言文化大学出版社.
3. 何刚强 (2021). 笔译理论与技巧. 北京大学出版社.

**Trưởng khoa/
Hiệu trưởng**



Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



**Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Skill Testing
Mã học phần	FL7349
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7040; FL7048
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Học phần này cung cấp các lý luận về kiểm tra - đánh giá (KTĐG) trình độ ngôn ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng, như: Các nguyên lý cơ bản của KTĐG trình độ ngôn ngữ (mục đích, tầm quan trọng, phương thức tiến hành, các hình thức kiểm tra đánh giá trình độ ngôn ngữ); Các cách thức biên soạn các kiểu đề thi khác nhau trong KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc; những nội dung về KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc (HSK và HSKK).	SO2
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và tổ chức kiểm tra – đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc trong	S04

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
	thực tiễn.	

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.	PI 2.3	TU
L2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	PI 4.2	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm một số vấn đề sau: (1) Lí luận chung về kiểm tra - đánh giá (KTĐG) trình độ ngôn ngữ nói chung như: Các nguyên lý cơ bản của KTĐG trình độ ngôn ngữ (mục đích, tầm quan trọng, phương thức tiến hành, các hình thức kiểm tra đánh giá trình độ ngôn ngữ); (2) Một trong những nội dung quan trọng của học phần là vấn đề liên quan đến cơ sở lí luận và cách thức biên soạn các kiểu đề thi khác nhau trong KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc; (3) Kiến thức cơ bản về KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc (HSK và HSKK). Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lí giải và tổ chức kiểm tra – đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	学分介绍及学习方法	9	3	0	0	0	0	4	L1; L2

	Giới thiệu học phần 第一课: 语言测验的基本原理 Bài 1: Nguyên tắc cơ bản về kiểm tra đánh giá ngôn ngữ								
2	第二课: 客观性试题的编写和修改 Bài 2: Biên soạn và sửa	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 主观性试题的编写	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 测验的信度 (1)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	第五课: 测验的信度 (2)	9	4	0	0	0	0	4	L1;L 2
6	第六课: 测验的效度 (1)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 测验的效度 (2)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 汉语水平考试概论	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课: 设计原则与试卷构成	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
10	第十课: 题型设计与命题技巧(2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十一课: 题型设计与命题技巧 (3)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	复习	3	1	0	0	0	0	4	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
--------	----------	------------------------------	---------------	--------------------	--	-----------------------------------

1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	2	40
2	Thường xuyên 2	20	L2	Tự luận	2	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	4	60
			L2		6	60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- Đối với giảng viên: Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 文秋芳, 国家语言能力理论体系构建研究, 北京大学出版社, 2020.

- Tài liệu tham khảo:

1. 刘毓容, 语言变异的概念整合研究, 四川大学出版社, 2019.

2. 李丹丹, 应用语言学- 研究方法与论文写作, 北京大学出版社, 2021.

3. 陈昌来, 汉语句式研究, 学林出版社, 2021.

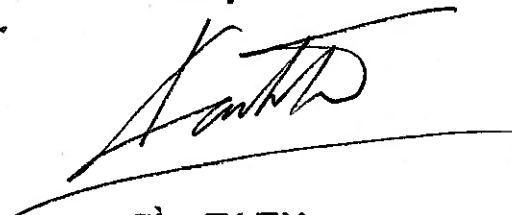
Trưởng khoa/
Hiệu trưởng


Hoàng Ngọc Tuệ

Trưởng Bộ môn/Khoa


Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo


Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Văn học Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese Literature
Mã học phần	FL7350
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7033; FL7041
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 0975096659

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: nguyenthile.hau@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức về khái niệm chính yếu và những đặc trưng cơ bản của văn học, vị trí và vai trò văn học trong đời sống xã hội Trung Quốc, nội dung sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc, những nghiên cứu nội dung tư tưởng và thành tựu nghệ thuật của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ. Một số hiện tượng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc.	SO1
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải một số vấn đề về văn học Trung Quốc, phân tích các trào lưu văn học hiện đại, bình giảng nội dung tư tưởng, giá trị nghệ thuật, đặc điểm sáng tác, những đóng góp của một	SO3

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
	số nhà văn và tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc.	

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)
L1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể..	PI 1.4	TU
L2	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; phân tích hiện tượng ngôn ngữ	PI 3.1	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm ba phần. Phần thứ nhất là những khái niệm chính yếu và những đặc trưng cơ bản của văn học, vị trí và vai trò văn học trong đời sống xã hội Trung Quốc. Phần thứ hai là nội dung sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc, giới thiệu khái quát về những nghiên cứu nội dung tư tưởng và thành tựu nghệ thuật của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ. Phần thứ ba phân tích về văn học hiện đại Trung Quốc, nghiên cứu một số hiện tượng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu và lý giải một số vấn đề về văn học Trung Quốc, phân tích các trào lưu văn học hiện đại, bình giảng nội dung tư tưởng, đặc điểm sáng tác của một số nhà văn và tác phẩm văn học của Trung Quốc.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	学分介绍及学习方法 Giới thiệu tín chỉ và phương pháp học	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	第一课: 文学的基本原理: 文学的基本特点; 文学的语言艺术 Bài 1: Nguyên lý cơ bản của văn học: Đặc trưng cơ bản của văn học; Ngôn ngữ nghệ thuật của văn học								
2	第二课: 文学对社会生活的作用: 文学的认识作用; 文学的教育作用; 文学的审美作用 Bài 2: Vai trò của văn học đối với đời sống xã hội: Vai trò nhận thức của văn học; Vai trò giáo dục của văn học; Vai trò thẩm mỹ của văn học	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第三课: 中国文学发展史: 中国古代文学; 中国现代文学; 中国当代文学 Bài 3: Lịch sử phát triển văn học Trung Quốc: Văn học cổ đại Trung Quốc; Văn học hiện đại Trung Quốc; Văn học Trung Quốc đương đại	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第四课: 中国文学的基本特点: 语言特点; 思想特征 Bài 4: Những đặc điểm cơ bản của văn học Trung Quốc: Đặc điểm	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	ngôn ngữ; Đặc điểm tư tưởng								
5	第五课: 中国现代文学的基本特征 Bài 5: Những đặc điểm cơ bản của văn học Trung Quốc hiện đại	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	第六课: 中国现代文学名家与名篇研究 (1): 鲁迅及其著作 Bài 6: Tìm hiểu văn học Trung Quốc hiện đại về những bậc thầy và tác phẩm nổi tiếng (1) Lỗ Tấn và tác phẩm của ông	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	第七课: 中国现代文学名家与名篇研究 (2): 胡适及其著作 Bài 7: Bậc thầy văn học hiện đại Trung Quốc và tác phẩm (2): Hồ Thích và tác phẩm nổi tiếng của ông	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	第八课: 中国现代文学名家与名篇研究 (3): 曹禺及其著作 Bài 8: Bậc thầy văn học hiện đại Trung Quốc và tác phẩm (3) Tào Ngụ và tác phẩm nổi tiếng của ông	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第九课: 中国现代文学名家与名篇研究 (4): 老舍	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	及其著作 Bài 9 : Nghiên cứu về các bậc thầy và tác phẩm nổi tiếng của văn học hiện đại Trung Quốc (4): Lão Xá và tác phẩm của ông								
10	第九课: 中国现代文学名家与名篇研究 (4): 老舍及其著作 (2) Bài 9 : Nghiên cứu về các bậc thầy và tác phẩm nổi tiếng của văn học hiện đại Trung Quốc (4): Lão Xá và tác phẩm của ông (2)	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
11	第十课: 中国现代文学名家与名篇研究 (5): 巴金及其著作 Bài 10: Nghiên cứu về các bậc thầy và tác phẩm nổi tiếng của văn học hiện đại Trung Quốc (5): Ba Kim và tác phẩm của ông	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2;
12	复习 Ôn tập	3	1	0	0	0	0	1	L1; L2;
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	40

2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	40
3	Cuối kỳ	60	L1	Tiểu luận	10	60
			L2			60

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên 1, 2 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 叶文曦, 语义学教程, 北京大学出版社, 2021.

- Tài liệu tham khảo:

1. 邓晓华, 语言、族群与演化——语言人类学的传统与超越(厦门大学人类学与民族学书系), 商务印书馆, 2019.

2. 卢安然, 中国小说史略, 中国书籍出版社, 2020.

3. 何刚强, 笔译理论与技巧, 北京大学出版社, 2021.

Hiệu trưởng



Hoàng Ngọc Tuệ

Khoa/Trường trực thuộc



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Nguyễn Thị Lê

Cẩm Tú Tài



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Đất nước học Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Chinese National Culture
Mã học phần	FL7351
Số tín chỉ: TS (LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN))	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không
Ngày ban hành	
Lần ban hành	

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê

Chức danh: Giảng viên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0975096659

Email: nguyenthile.hau@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức về văn hóa, văn minh trong thực tế vào trong nghiên cứu và phân tích các hiện tượng ngôn ngữ và văn hóa vận dụng linh hoạt vào tình huống giao tiếp, biên phiên dịch	SO3
G2	Học viên được phát triển kỹ năng phân tích các hiện tượng ngôn ngữ và văn hóa cụ thể. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực về đất nước học vào nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa ngôn ngữ Trung Quốc	SO4

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
	hậu								
2	第一章中国的国土 (续) Chương 1 Lãnh thổ Trung Quốc 第二节：资源 Tiết 2: Tài nguyên 第二章 中国的历史 Chương 2: Lịch sử Trung Quốc 第一节：古代史 Tiết 1: Lịch sử cổ đại	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
3	第二章 中国的历史 (续) Chương 2: Lịch sử Trung Quốc (tiếp) 第二节：近代史 Tiết 2: Lịch sử cận đại 第三节：现代史和当代史 Tiết 3 Lịch sử hiện đại và đương đại	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	第三章 中国的经济 Chương 3 Kinh tế Trung Quốc	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
	第四节信息技术 Tiết 4 Công nghệ thông tin 第五节航空航天 Tiết 5 Hàng không vũ trụ								
8	第五章中国传统思想 Chương 5 Tư tưởng truyền thống Trung Quốc 第一节儒家思想 Tiết 1 Nho giáo 第二节道家、禅宗思想 Tiết 2 Đạo giáo và tư tưởng Thiền tông 第三节法家、墨家与兵法 Tiết 3 pháp gia, đạo gia binh pháp	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2
9	第六章中国的礼俗 Chương 6 Lễ nghi, tập tục Trung Quốc 第一节婚姻家庭 Tiết 1 Hôn nhân và gia đình 第二节节庆假日	10	4	0	0	0	0	4	L1; L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Tổng số (giờ)	Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
	導 Ôn Tập + Hướng Dẫn Viết Luận								
	Tổng cộng	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	30	L1	Thuyết trình	4	40
			L2		6	60
2	Kết thúc học phần	70	L1	Tiểu luận	6	60
			L2		4	40

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài bài tiểu luận kết thúc học phần

- Điều kiện khác:

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1]王顺洪, 中国概况, 北京大学出版社, 2018.

- Tài liệu tham khảo

[1] 林毅夫, 中国经济专题 (Các chủ đề về kinh tế Trung Quốc, 北京大学出版社, 2021.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Thực tập
Tên học phần (Tiếng Anh)	Intership
Mã học phần	FL7352
Số tín chỉ: TS(LT;ThH/TN;TL; TT/ĐA)	9(0;0;0;9)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không
Ngày ban hành	/...../2022
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cẩm Tú Tài

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Điện thoại: 0982088718

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Học phần này cung cấp các lí luận về cách đánh giá khái quát doanh nghiệp, bối cảnh kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá thực tiễn kinh doanh tại đơn vị nghiên cứu, cách viết báo cáo	SO5
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lí giải và tổ chức kiểm tra – đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc trong thực tiễn.	SO5

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Mã CĐR của HP	Nội dung CĐR của HP	Mã Tiêu chí đánh giá/CĐR cấp độ 3 của CTĐT tương ứng	Mức độ (I/T/U)
L1	Áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào môi trường làm việc thực tế Học viên cần chứng minh khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế.	PI 5.1	T,U
L2	Học viên thông qua báo cáo thực tập có thể tự đánh giá bản thân về những điểm mạnh và yếu của mình, xác định những kỹ năng cần phát triển và lập kế hoạch cho sự phát triển cá nhân trong tương lai.	PI 5.2	T,U

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giúp cho học viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc áp dụng được kiến thức thực hành tiếng và lý thuyết tiếng Trung Quốc đã học vào công việc thực tế tại một doanh nghiệp. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc thực hành công tác biên phiên dịch và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời giúp học viên có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình làm việc, giúp học viên nhận thức được bối cảnh nghề nghiệp biên phiên dịch trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như thể hiện được ý thức tôn trọng văn hóa tổ chức, doanh nghiệp nơi thực tập, công tác, rèn luyện được các kỹ năng mềm tại doanh nghiệp nơi thực tập.

5. Quy định dạy - học và đánh giá

5.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của học phần
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ ĐA	Tổng số (giờ)	
			Trực tiếp (giờ)	Trực tuyến (giờ)					
1	Khái quát doanh nghiệp						90	90	L1

Bài	Bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của học phần
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ ĐA	Tổng số (giờ)	
			Trực tiếp (giờ)	Trực tuyến (giờ)					
2	Phân tích bối cảnh kinh doanh của doanh nghiệp						90	90	L1
3	Đánh giá thực tiễn kinh doanh tại đơn vị nghiên cứu						90	90	L2
4	Xác định vấn đề tồn tại cản trở sự phát triển của doanh nghiệp và tiềm năng của doanh nghiệp						90	90	L2
5	Viết báo cáo Phần mở đầu - Nêu lý do chọn doanh nghiệp làm nơi thực tập; - Giới thiệu tổng quát về chương trình thực tập của bản thân tại đơn vị, trong đó, xác định những mục tiêu của chương trình; - Kết cấu của báo cáo thực tập.						90	90	L3, L4, L5
	Tổng cộng						450	450	

5.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Điểm chấm báo cáo	50	L1	Viết báo cáo	100	100
2		50	L2	Viết báo cáo	100	100

6. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên: để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Tham gia học tập trên lớp từ 70% số tiết trở lên.
- + Hoàn thành 100% nhiệm vụ học tập trực tuyến.
- + Hoàn thành 100% nội dung các bài đánh giá thường xuyên trên lớp.

- Điều kiện cơ sở vật chất: phòng học phải trang bị đầy đủ máy chiếu có kết nối internet.

7. Tài liệu học tập

- Tài liệu dạy học chính:

[1] 文秋芳, 国家语言能力理论体系构建研究, 北京大学出版社, 2019.

- Tài liệu tham khảo

[1] 王朝晖, 跨文化交际案例教程, 山东大学出版社, 2020.

[2] 李丹丹, 应用语言学- 研究方法与论文写作, 北京大学出版社, 2021.

[3] 王立非, 商务汉语一本通 (汉英双语版), 高等教育出版社, 2020.

Hiệu trưởng



Hoàng Ngọc Tuệ

Trưởng Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Cẩm Tú Tài
Ứng Thùy Linh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần (Tiếng Việt)	Đề án tốt nghiệp
Tên học phần (Tiếng Anh)	Master's Thesis
Mã học phần	FL7353
Số tín chỉ: TS(LT;ThH/TN;TL/BTL/ĐAMH/TT)	9(0;0;0;9)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	
Ngày ban hành	.../.../2022
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phầnHọ và tên: **CÀM TÚ TÀI**

Chức danh: GVCC

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.	SO5
G2	Học viên vận dụng kiến thức vào nghiên cứu chuyên sâu và	SO5

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
	hoàn thành đề án tốt nghiệp.	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Mã CĐR của HP	Nội dung CĐR của HP	Mã Tiêu chí đánh giá/CĐR cấp độ 3 của CTĐT tương ứng	Mức độ (I/T/U)
L1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, tổng hợp, phân tích thông tin hiệu quả để nghiên cứu phát triển, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc.	PI 5.1	T,U
L2	Tự định hướng và xác định được các yêu cầu của việc làm đề án tốt nghiệp; lập đề cương và kế hoạch thực hiện đề án.	PI 5.2	T,U

5. Mô tả tóm tắt học phần

Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.

Sau khi kết thúc học phần, trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, học viên có thể hoàn thành đề án tốt nghiệp – một báo cáo khoa học về lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc. Trong đó, học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài ¹)

Nội dung:

Phần 1: Lựa chọn đề tài

- 1.1. Nghiên cứu tính cấp thiết và nhu cầu thực tiễn
- 1.2. Xác định tên đề tài nghiên cứu phù hợp ngành Ngôn ngữ Anh
- 1.3. Xác định mục tiêu nghiên cứu

Phần 2: Xây dựng đề cương

- 2.1 Trình bày cơ sở khoa học, thực tiễn và mục tiêu nghiên cứu của đề tài
- 2.2 Xác định câu hỏi nghiên cứu
- 2.3. Xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu
- 2.4. Xác định phương pháp nghiên cứu
- 2.5. Xây dựng kết cấu nội dung của đề tài
- 2.6. Lập kế hoạch thực hiện đề tài

Phần 3: Cơ sở lý luận

- 3.1. Trình bày các khái niệm, kiến thức học thuật chuyên môn về lý luận liên quan đến đề tài
- 3.2. Khảo lược, thảo luận và đánh giá các nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài nghiên cứu

Phần 4: Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

- 4.1. Trình bày bối cảnh nghiên cứu, đối tượng tham gia nghiên cứu
- 4.2. Giới thiệu về các phương pháp nghiên cứu sử dụng trong đề tài
- 4.3. Trình bày công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu
- 4.4. Trình bày quy trình thu thập dữ liệu
- 4.5. Trình bày phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu

Phần 5: Phân tích và thảo luận

- 5.1. Phân tích các dữ liệu thu thập được theo nhóm/ chủ đề
- 5.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề ngôn ngữ của đề tài nghiên cứu

Phần 6: Kết luận, gợi ý và đề xuất

- 6.1. Trình bày kết luận nghiên cứu
- 6.2. Gợi ý các giải pháp và đề xuất các kiến nghị liên quan

¹.

Phần 7: Viết tóm tắt nghiên cứu

5.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Kết thúc học phần	100	L1	Bảo vệ đề án tốt nghiệp	8	100
			L2	Bảo vệ đề án tốt nghiệp	2	100

Hướng dẫn học viên cao học chọn đề tài về các lĩnh vực nghiên cứu như:

1. Lĩnh vực ngữ pháp

- Khảo sát câu tiếng Việt mắc lỗi thiếu đề ngữ và biện pháp khắc phục khi chuyển dịch sang tiếng Hán
- Khảo sát cấu trúc 比起 ..., 与 ... 相比 và 相比之下 ... trong tiếng Hán hiện đại
- So sánh nhóm từ dễ gây nhầm lẫn: 小吃、点心、零食
- Khảo sát ba liên từ “并; 和; 而” trong tiếng Hán hiện đại (có đối chiếu với các từ tương đương trong tiếng Việt)
- Đặc điểm ngữ pháp-ngữ nghĩa của nhóm động từ nói năng trong tiếng Hán (liên hệ với nhóm động từ tương ứng trong tiếng Việt)
- Câu phức định ngữ trong tiếng Việt và những hiện tượng tương ứng trong tiếng Hán
- Các từ chỉ vị trí trong tiếng Hán so sánh với tiếng Việt
- Nghiên cứu về bổ ngữ khả năng trong tiếng Hán hiện đại
- So sánh đối chiếu trợ từ ngữ khí trong tiếng Hán và tiếng Việt
- Nghiên cứu về phó từ chỉ thời gian trong tiếng Hán và tiếng Việt
- Động từ li hợp trong tiếng Hán và tiếng Việt

- Những lỗi sai thường gặp của sinh viên khi dịch viết Hán - Việt do hạn chế về kiến thức ngôn ngữ và giải pháp trong giảng dạy
 - Phân tích nguyên nhân sinh viên chuyên ngành tiếng Hán sử dụng sai hoặc hạn chế sử dụng quán ngữ tiếng Hán trong giao tiếp
 - Đối chiếu từ nhân xưng trong tiếng Việt với tiếng Hán
 - Tìm hiểu nghiên cứu các kiểu câu đặc biệt trong tiếng Hán
2. Lĩnh vực phương pháp dạy và học
- Phong cách học tập ngoại ngữ thứ hai tiếng Hán: nghiên cứu trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
 - Phương pháp đọc hiểu hiệu quả cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán
 - Phương pháp học nghe hiệu quả cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán
 - Phương pháp học nói hiệu quả cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán
 - Bàn về xây dựng giáo trình biên dịch tiếng Hán theo định hướng phát triển năng lực người học cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc
 - Ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự học và tự nghiên cứu của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
 - Phương pháp biên soạn giáo trình dịch nói tiếng Hán
 - Phương pháp dạy khẩu ngữ cho sinh viên năm thứ hai Khoa NN Trung Quốc
 - Một số biện pháp nâng cao chất lượng viết chữ Hán của sinh viên Khoa NN Trung Quốc
 - Bước đầu trong công tác tìm hiểu và phương hướng đọc hiểu cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc
 - Sử dụng trò chơi dạy học trong dạy học khẩu ngữ tiếng Hán
 - Một số bài viết về xây dựng giáo trình biên dịch tiếng Hán theo định hướng phát triển năng lực của người học cho sinh viên Việt Nam
 - Thực tiễn áp dụng những cấu trúc câu trong tiếng trung vào thực tiễn công việc biên dịch các văn bản tiếng Hán trong các doanh nghiệp đầu tư xây dựng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
 - Công tác học tập và tìm hiểu một số các nội dung tính trùng đối với sinh viên
 - Dạy tiếng Trung và nâng cao vị thế của tiếng Trung
 - Vấn đề phát triển và xây dựng kỹ năng giao tiếng bằng tiếng Hán trong thực tiễn giao tiếp về đàm phán thương mại tiếng Hán tại các doanh nghiệp đầu tư và xây dựng trên thị trường Việt Nam hiện nay.
 - So sánh việc đào tạo giáo viên tiếng Hán, tiếng Việt cho người nước ngoài
 - Một số hạn chế cần phải lưu ý và khắc phục khi tiến hành phỏng vấn, tìm kiếm cơ hội việc làm ngành NN Trung Quốc tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.
 - Đề xuất các tiêu chí xác định lỗi ngôn ngữ qua khảo sát các bản dịch từ Hán sang Việt của sinh viên ở trình độ sơ cấp.

- Thực trạng công tác giáo dục và giảng dạy ngành NN Trung Quốc tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay và cơ hội việc làm sau khi ra trường.
 - Kế hoạch thực tập tốt nghiệp chuyên ngành NN Trung Quốc
 - Một số hạn chế cần phải lưu ý và khắc phục khi tiến hành phỏng vấn, tìm kiếm cơ hội việc làm ngành NN Trung Quốc tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.
 - Đề xuất các tiêu chí xác định lỗi ngôn ngữ qua khảo sát các bản dịch từ Hán sang Việt của sinh viên ở trình độ sơ cấp.
 - Thực trạng công tác giáo dục và giảng dạy ngành NN Trung Quốc tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay và cơ hội việc làm sau khi ra trường.
3. Lĩnh vực ngữ âm
- Quan hệ đối ứng giữa vựng trong tiếng Hán và vần trong âm Hán Việt.
 - Hiện tượng hài âm tiếng Hán dưới góc nhìn ngôn ngữ và văn hoá
 - Ngữ âm vần tự tiếng Hán
 - Khảo sát lỗi ngữ âm của người Việt học tiếng Hán và cách khắc phục
 - Miêu tả hệ thống thanh điệu phương ngữ Trung Quốc
4. Lĩnh vực văn hóa:
- Khảo sát thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật trong tiếng Hán
 - Nghiên cứu một số bài thơ tiếng Hán để phân tích tính đa dạng về ngôn ngữ.
 - Ngôn ngữ mạng của thanh thiếu niên Trung Quốc hiện nay
 - Đặc trưng văn hoá Trung Quốc trong ngôn ngữ giao tiếp và trong ngôn ngữ chào hỏi tiếng Hán
 - Hàm ý văn hoá của các từ ngữ chỉ thức ăn trong tiếng Hán hiện đại
 - Ngữ nghĩa của các từ chỉ hoa trong tiếng Hán
 - Ngôn ngữ học đối chiếu tiếng Việt và tiếng Hán
 - Ý nghĩa của việc ảnh hưởng chữ Hán vào Việt Nam
 - Tiểu luận ảnh hưởng của tiếng Hán đối với ngôn ngữ các nước trong khu vực lân cận
 - Các ngôn ngữ Hán-Tạng
 - Đặc điểm ngôn ngữ trong hợp đồng thương mại tiếng Hán
 - Đặc điểm ngôn ngữ văn hoá từ xưng hô trong gia đình của tiếng Hán
 - Khai thác đa chiều bài giảng Hán ngữ cổ đại theo hướng Trung Quốc học
 - Tìm hiểu tiếng Quảng Đông của Trung Quốc
 - Phật giáo với NN Trung Quốc
 - Ngôn ngữ quảng cáo truyền hình Trung Quốc
 - Đối chiếu nhóm thành ngữ chỉ tâm lý – tình cảm trong tiếng Hán và tiếng Việt

- Đặc điểm tên người Trung Quốc hiện nay (đối chiếu với tên người Việt Nam)
 - Đặc điểm của từ ngữ Phật giáo trong tiếng Hán (có đối chiếu với tiếng Việt)
 - Tìm hiểu việc dùng từ thuần Việt và Hán Việt trong tục ngữ Việt Nam
 - Thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Hán (liên hệ với thành ngữ tiếng Việt)
 - Lịch sử trong giao tiếp tiếng Hán (so sánh với tiếng Việt)
 - So sánh đối chiếu đặc trưng ngôn ngữ văn hóa giữa các yếu tố chỉ đồ vật trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt
 - Từ vay mượn có nguồn gốc Ấn Âu trong tiếng Hán (có so sánh với tiếng Việt)
 - Hiện tượng lặp từ trong các tư liệu thành văn cổ của tiếng Hán
 - Khảo sát các tầng nghĩa chức năng từ vựng tiếng Hán có liên hệ với tiếng Việt
 - Khảo sát các hình thức biểu hiện ý nghĩa sở hữu trong danh ngữ tiếng Hán và tiếng Việt
 - Hành động mời trong tiếng Việt và tiếng Hán
 - Khảo sát cách trực tiếp biểu hiện hành động cầu khiến trong tiếng Hán qua vài tác phẩm văn học
 - Khảo sát cách ngôn ngữ biểu hiện hành vi từ chối lời cầu khiến trong tiếng Hán hiện đại (liên hệ với tiếng Việt)
5. Lĩnh vực khác
- Thực hiện lời mở đầu cho những bài báo cáo tiếng Hán
 - Kế hoạch thực tập tốt nghiệp chuyên ngành NN Trung Quốc
 - Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nhân lực biên, phiên dịch NN Trung Quốc

Hướng dẫn cụ thể quy định đánh giá học phần:

1.1. Mục đích

Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, tổng hợp, phân tích thông tin hiệu quả để nghiên cứu phát triển, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực NN Trung Quốc; tự định hướng và xác định được các yêu cầu của việc làm đề án tốt nghiệp; lập đề cương và kế hoạch thực hiện đề án; thực hiện công việc làm đề án tốt nghiệp hiệu quả theo đề cương và kế hoạch, đưa ra những kết quả nghiên cứu khả thi, đề xuất, đóng góp mới có ý nghĩa khoa học, lý luận, giá trị thực tiễn trong lĩnh vực NN Trung Quốc.

1.2. Yêu cầu

Dưới sự chỉ dẫn của cán bộ hướng dẫn, học viên thực hiện viết một công trình

nghiên cứu khoa học về lĩnh vực NN Trung Quốc với độ dài 70-100 trang (không kể hình vẽ, bảng biểu, đồ thị và danh mục tài liệu tham khảo) trong thời gian 01 năm, tuân thủ đúng quy định, yêu cầu về nội dung và hình thức trình bày đề án thạc sĩ của nhà trường.

1.3. Tiêu chí đánh giá

(Điểm từng tiêu chí và điểm cuối cùng làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

STT	Tiêu chí	Mô tả	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của đề tài	Trình bày được tính cấp thiết của đề tài, cơ sở lý luận, thực tiễn phù hợp với chương trình đào tạo; và thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu	3	
2	Đề cương, kế hoạch thực hiện nghiên cứu	Nội dung được trình bày rõ ràng, chi tiết, hợp lý, khoa học và phù hợp với yêu cầu	2	
3	Nội dung nghiên cứu và hình thức	Đề án hoàn thành đúng hạn, đúng các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; không trùng lặp về đề tài, nội dung và kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; có đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn. Đề án có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc, đúng quy định của Trường về hình thức, văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ và tuân thủ chặt chẽ quy định văn bản và trích dẫn tài liệu	5	
Tổng			10	

(2.) Điểm phản biện

2.1. Mục đích

Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, tổng hợp, phân

tích thông tin hiệu quả để nghiên cứu phát triển, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực NN Trung Quốc; thực hiện công việc làm đề án tốt nghiệp hiệu quả theo đề cương và kế hoạch, đưa ra những kết quả nghiên cứu khả thi, đề xuất, đóng góp mới có ý nghĩa khoa học, lý luận, giá trị thực tiễn trong lĩnh vực NN Trung Quốc.

2.2. Yêu cầu

Học viên hoàn thành và nộp bản cứng nội dung đề án tốt nghiệp theo đúng quy định, yêu cầu và có xác nhận đồng ý cho bảo vệ của cán bộ hướng dẫn.

2.3. Tiêu chí đánh giá

(Điểm từng tiêu chí và điểm cuối cùng làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

STT	Tiêu chí	Mô tả	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của đề tài	Trình bày được tính cấp thiết của đề tài, cơ sở lý luận, thực tiễn phù hợp với chương trình đào tạo; và thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu	4	
2	Nội dung nghiên cứu và hình thức	Đề án hoàn thành đúng hạn, đúng mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; không trùng lặp về đề tài, nội dung và kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; có đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn. Đề án có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc, đúng quy định của Trường về hình thức, văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ và tuân thủ chặt chẽ quy định văn bản và trích dẫn tài liệu	6	
Tổng			10	

(3.) Điểm hội đồng

3.1. Mục đích

Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, tổng hợp, phân

tích thông tin hiệu quả để nghiên cứu phát triển, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực NN Trung Quốc; tự định hướng và xác định được các yêu cầu của việc làm đề án tốt nghiệp; lập đề cương và kế hoạch thực hiện đề án; thực hiện công việc làm đề án tốt nghiệp hiệu quả theo đề cương và kế hoạch, đưa ra những kết quả nghiên cứu khả thi, đề xuất, đóng góp mới có ý nghĩa khoa học, lý luận, giá trị thực tiễn trong lĩnh vực NN Trung Quốc.

3.2. Yêu cầu

- Học viên thực hiện một bài thuyết trình trong thời gian 15 phút, trình bày tóm tắt công trình nghiên cứu: tính cấp thiết của đề tài (lí do chọn đề tài), mục đích nghiên cứu, câu hỏi & nội dung nghiên cứu; vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; kết luận và đề xuất.
- Học viên bảo vệ đề tài nghiên cứu trước hội đồng đánh giá (gồm chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện) và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề tài nghiên cứu do hội đồng đưa ra.
- Học viên nộp nộp bản cứng đề tài nghiên cứu theo đúng quy định, yêu cầu, có xác nhận đồng ý cho bảo vệ của cán bộ hướng dẫn. Sau khi bảo vệ thành công, học viên nộp toàn văn công trình nghiên cứu (đã được chỉnh sửa và bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) để lưu trữ tại thư viện của nhà trường.

3.3. Tiêu chí đánh giá

(Điểm từng tiêu chí và điểm cuối cùng làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

STT	Tiêu chí	Mô tả	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Thuyết trình	Trình bày công trình nghiên cứu dưới dạng slides thuyết trình một cách chủ động, khoa học, rõ ràng, mạch lạc và đảm bảo thời gian quy định	3	
2	Vấn đáp	Trả lời đầy đủ và có tính thuyết phục tất cả các câu hỏi liên quan đến đề tài và việc thực hiện nghiên cứu của	2	

		các thành viên hội đồng cũng như người tham dự		
3	Nội dung đề án và hình thức	Đề án hoàn thành đúng hạn, đúng mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; không trùng lặp về đề tài, nội dung và kết được công bố; có đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn. Đề án có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc, đúng quy định của Trường về hình thức, văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ và tuân thủ chặt chẽ quy định văn bản và trích dẫn tài liệu	6	
Tổng			10	

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:
- + Thực hiện theo kế hoạch thực tập của nhà trường theo đúng yêu cầu và đảm bảo chất lượng.
- + 100% học viên hoàn thành báo cáo thực tập theo quy định và có xác nhận thực tập tại doanh nghiệp.

7. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
- 1. 李庆本, 中外文化比较与跨文化交际, 北京语言大学出版社, 2021.
- Sách, tài liệu tham khảo:
- 1. 韦长福, 汉越口译理论与实践, 重庆大学出版社, 2020.
- 2. 姜望琪, 语用学·理论及应用, 北京大学出版社, 2019.
- 3. 胡显耀, 语料库文体统计学方法与应用, 外语教学与研究出版社, 2021.

Hiệu trưởng


Hoàng Ngọc Huệ

Khoa/Trường trực thuộc


Cầm Tú Tài

Nhóm soạn thảo


Cầm Tú Tài
Vũ Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy
Tên học phần (Tiếng Anh)	Application of Information Technology in Teaching
Mã học phần	FL7355
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7054
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị cho người học kiến thức đại cương về ngôn ngữ học. Vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	SO1
G2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về dịch thuật, kiến thức về thiết kế và phát triển các khóa học giảng dạy tiếng Trung Quốc vào công tác chuyên môn và nghiên cứu.	SO2

	mềm hỗ trợ giảng dạy trong lớp học								
3	Bài 3: Giảng dạy trực tuyến và các công cụ hỗ trợ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	Bài 4: Sử dụng các công cụ tạo bài kiểm tra và đánh giá học viên trực tuyến	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	Bài 5: Tạo và sử dụng tài liệu học trực tuyến	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	Bài 6: Ứng dụng công nghệ trong việc tương tác và giao tiếp với học viên	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	Bài 7: Tích hợp công nghệ vào phương pháp giảng dạy sáng tạo	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	Bài 8: Đánh giá và cải tiến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	50
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Thiết kế và đánh giá tài liệu dạy học tiếng Trung Quốc
Tên học phần (Tiếng Anh)	Design and Evaluation of Chinese Language Teaching Materials
Mã học phần	FL7355
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL (Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án)}	2(2;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Ngôn ngữ Trung Quốc
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	FL7054
Ngày ban hành	
Lần ban hành	1

2. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: **Cầm Tú Tài**

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

Điện thoại: 0982088718

Email: camtutai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về nguyên tắc thiết kế, biên soạn và đánh giá tài liệu dạy học kỹ năng viết tiếng Trung Quốc, từ đó giúp người học hiểu rõ yêu cầu, cấu trúc và đặc điểm của tài liệu hiệu quả.	SO1
G2	Phát triển kỹ năng thực hành thiết kế và đánh giá tài liệu dạy học kỹ năng viết tiếng Trung theo các tiêu chí sư phạm hiện đại.	SO2

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)
L1	Người học có thể phân tích, so sánh và đánh giá được các tài liệu dạy học viết tiếng Trung hiện có dựa trên các tiêu chí khoa học và sư phạm.	PI 2.3	TU
L2	Người học có khả năng thiết kế được một đơn vị tài liệu dạy học kỹ năng viết tiếng Trung phù hợp với trình độ người học và mục tiêu chương trình, đồng thời điều chỉnh tài liệu theo phản hồi và thực tiễn giảng dạy.	PI 3.2	TU

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng hiệu quả các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy. Học phần này nhằm giúp người học hiểu rõ vai trò của công nghệ trong giáo dục, ứng dụng các phần mềm và nền tảng học tập trực tuyến, tạo dựng môi trường học tập sáng tạo và tương tác, đồng thời nâng cao khả năng đánh giá hiệu quả giảng dạy thông qua công nghệ. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ trong giảng dạy, tạo dựng môi trường học tập trực tuyến sáng tạo và hiệu quả, đồng thời đánh giá và cải tiến phương pháp giảng dạy dựa trên công nghệ thông tin.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Bài 1: Giới thiệu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
2	Bài 2: Ứng dụng phần mềm hỗ trợ giảng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2

	dạy trong lớp học								
3	Bài 3: Giảng dạy trực tuyến và các công cụ hỗ trợ	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
4	Bài 4: Sử dụng các công cụ tạo bài kiểm tra và đánh giá học viên trực tuyến	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
5	Bài 5: Tạo và sử dụng tài liệu học trực tuyến	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
6	Bài 6: Ứng dụng công nghệ trong việc tương tác và giao tiếp với học viên	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
7	Bài 7: Tích hợp công nghệ vào phương pháp giảng dạy sáng tạo	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2
8	Bài 8: Đánh giá và cải tiến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	7	2	0	0	0	0	2	L1; L2
	Tổng cộng:	70	30	0	0	0	0	30	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	20	L1	Thuyết trình	10	100
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thuyết trình	10	50
3	Cuối kỳ	60	L2	Tiểu luận	10	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải tham gia tối thiểu 70% thời gian giảng dạy trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ. Học viên phải hoàn thành kiểm tra thường xuyên 1 trước khi tham dự bài thi kết thúc học phần.

- **Đối với giảng viên:** Giao kế hoạch nội dung và tiến độ thực hiện bài tự luận thường xuyên 1 và bài tiểu luận kết thúc học phần

- **Điều kiện khác:**

+ Phòng học đầy đủ các phương tiện dạy học: máy chiếu máy tính, kết nối internet.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

1. 苗兴伟(2021). 《语言学基础教程》. 北京大学出版社

- Tài liệu tham khảo:

1. Ping Ke (2019). Contrastive Linguistics. Peking University Press.

2. Nguyễn Thiện Giáp (2021). Dẫn luận ngôn ngữ học. Nxb. Giáo dục Việt Nam.

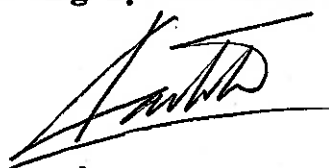
3. 王淑雯(2021). 社会语言学概论. 四川大学出版社

**Trưởng Khoa/
Hiệu trưởng**



Hoàng Ngọc Huệ

Trưởng Bộ môn/ Khoa



Cẩm Tú Tài

Nhóm soạn thảo



Cẩm Tú Tài

Ứng Thùy Linh

